VĂN HỌC Nghệ thuật

SÁNG TÁC • NHẬN ĐỊNH

TRONG SỐ NÀY :

NGŨ ĐẠI HỒ : MỘT THỦ ĐOẠN VĂN HÓA • NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN : MỘT CHÚT XANH LOANG TRỜI • PHẠM TĂNG : TÌNH QUÊ • HỒ TRƯỜNG AN : SAY CHIỀU NẮNG HẠ • NGHI : TIÊU DAO • VĨNH LIÊM : GÃ TỊ NẠN • NG.D. L. : ẢO ẢNH • XUÂN HIẾN : KHÓC MỘT NGƯỜI ĐIÊN • TRÚC CHI : VƯỜN CŨ • VÕ ĐÌNH : G NGỌC ĐỨC : DẤU CHÂN CÁT BỤI • SÁCH VIỆT HẢI NGOẠI • QUÊ XƯA VĂN CŨ • THỜI SỰ

Số 11 NĂM 1979

p chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Chủ nhiệm: Vô - Phiến

Chủ bút: Lê - tất - Điều

Giám đốc trị sự : Trần-đình-Long

Địa chỉ mới của Tòa soạn :
P.O. Box 486, Westminster, Ca. 92683 USA.
Điện thoại : (714) 897-2476

MỤC LỤC

NHẬN ĐỊNH

Một thủ đoạn văn hóa	*Ngữ Đại Hồ*	5

SÁNG TÁC

Một chút xanh loang trời	*Nguyễn thị Ngọc Liên*	12
Tình quê	*Phạm Tăng*	25
Say chiều nắng hạ	*Hồ Trường An*	26
Tiêu dao	*Nghi*	27
Gã tị nạn	*Vĩnh Liêm*	28
Ảo ảnh	*Ng. Đ. L.*	46
Khóc một người điên	*Xuân Hiến*	47
Vườn cũ	*Trúc Chi*	49
G.	*Võ Đình*	51
Dấu chân cát bụi	*Ngọc Đức*	69

VĂN XƯA QUÊ CŨ

Cái chết của con Mực	*Nam Cao*	71
Xuân nhật tức cảnh	*Huyền Quang*	76

TÌM HIỂU

Triết học và đời sống ở Mỹ	*Ngô Trung*	78

THỜI SỰ

Sách Việt hải ngoại	*Hà Xuân*	83
Văn nghệ khắp nơi	*Thạch Tân và Tống Quân*	87
Tình hình đây đó	*Hồ Bạch Vân*	91

PHỤ BẢN

Tranh Võ Đình	53, 63

◉ THƯ TÒA SOẠN

TRONG những tháng vừa qua, nhiều bạn đọc – qua thư từ – đã đặt ra cho chúng tôi một số vấn đề :

– Việc giới thiệu các sáng tác của Việt nam với độc giả Tây phương cũng như việc giới thiệu văn phẩm quốc tế với độc giả Việt kiều đều cần thiết : nên tiến hành thường xuyên, đều đặn.

– Sách báo Việt nam mặc dầu có lưu trữ ở một số thư viện Hoa kỳ; tuy nhiên, trong thực tế, Việt kiều sống tản mác và bận rộn, không thể mỗi lúc mỗi tìm mượn dễ dàng. Vậy để tiếp tục duy trì sự tiếp xúc mật thiết với nền văn nghệ dân tộc, tờ báo nên dành một số trang để lần lượt trình bày những thi văn phẩm Việt nam từ khởi thủy cho đến trước ngày 30.4.1975.

– Người độc giả tạp chí văn nghệ không thể tách biệt khỏi tình hình chính trị, nhất là tình hình chính trị liên hệ tới vận mệnh đất nước. Đã đành có nhiều báo chính trị bằng Việt ngữ ở Mỹ, nhưng việc mua báo Việt

tại nhiều nơi không giản dị, bắt mỗi gia đình phải mua cùng lúc nhiều tờ báo, không tiện. Vậy hàng tháng tạp chí văn nghệ cũng cần có ít ra một bản kiểm điểm các biến cố chính trị quan trọng.

– Dưới chế độ cộng sản, văn học nghệ thuật bị đặt dưới sự khống chế gắt gao của chính quyền, không phản ảnh trung thực tâm tình dân tộc. Tuy vậy, Việt kiều hải ngoại không thể không biết đến, không theo dõi đại khái các hoạt động sang tác, biên khảo ở trong nước. Vậy, nên chọn lựa để trình bày những thành tích văn học đáng chú ý ở nước nhà, những công trình ít bị ảnh hưởng của chính trị.

oOo

Chúng tôi thành thực cảm tạ các bạn về lòng sốt sắng xây dựng, về các ý kiến quí báu.

Trong các vấn đề các bạn nêu ra, có điều chúng tôi chưa kịp nghĩ tới, cũng có những điều hoặc chúng tôi đã làm, hoặc chúng tôi có nghĩ đến mà chưa làm được.

Hôm nay, đưa ra một loạt ý kiến của các bạn, chúng tôi xin xác nhận : Quả thực các điều ấy đều cần làm cả. Nhưng chỉ xin các bạn hiểu cho : không thể làm cả **cùng một lúc**. *Vì hiện thời chúng ta chỉ có 100 trang báo mỗi kỳ.*

Trong khi chờ đợi một giai đoạn mới – khi báo tăng trang, mở rộng khuôn khổ – chúng tôi xin cố gắng thực hiện ý kiến các bạn bằng cách cho xuất hiện **luân phiên** *đủ các mục đã đề nghị.* **Luân phiên**, *cho đến ngày có điều kiện để xuất hiện đồng loạt đều đều trên mỗi kỳ báo.*

VHNT.

VỀ MỘT THỦ ĐOẠN VĂN HÓA

NGŨ ĐẠI HỒ

Những người nghiên cứu văn học sử Việt nam từ trước đến nay đều gặp một trở ngại không vượt nổi : tình trạng thiếu thốn tài liệu. Một phần rất lớn tác phẩm văn học Việt nam của các thời đại trước đã bị mất hẳn, không sao tìm lại được.

Dĩ nhiên, mất mát vẫn là chuyện thường : khó có dân tộc nào trên thế giới bảo tồn được toàn vẹn kho tàng văn học của mình trải qua suốt thời gian lịch sử. Tuy nhiên sự mất mát ở xứ ta đã đến một tình trạng đặc biệt trầm trọng.

Tình trạng mất mát do nhiều nguyên nhân. Mà một trong các nguyên nhân ấy là sự cướp phá của giặc Minh hồi thế kỷ thứ XV, một sự cướp phá có kế hoạch. Ngày 21 tháng 8 năm 1406, Minh Thành Tổ gửi một sắc chỉ cho tướng viễn chinh là Chu Năng, có đoạn dặn rằng : *"Một khi binh lính vào nước An-nam, trừ các sách kinh và bản in của đạo Phật, đạo Lão thì không thiêu hủy; ngoài ra, hết thảy mọi sách vở, văn tự cho đến cả những*

loại sách sưu tập ca lý dân gian, hay sách dạy trẻ, như loại sách có câu "thường đại nhân, không ất dĩ", một mảnh một chữ đều phải đốt hết. Khắp trong nước, phàm các bia do Trung quốc dựng từ xưa đến nay thì đều giữ gìn cẩn thận, còn các bia do An-nam dựng thì phá hủy tất cả, một chữ cũng đừng chừa lại." (Theo sách *Việt kiệu thư* của Lý văn Phượng, sứ thần nhà Minh).

Nhận định về sự việc này, nhóm cán bộ biên tập bộ sách *Thơ văn Lý Trần* (Hànội-1977) đã cho là man rợ. *"Ở đây, man rợ không còn đơn thuần chỉ là một biểu hiện có tính chất tự phát của một quân đội ô hợp trung cổ. Man rợ đã trở thành một mục đích được nhận thức hoàn chỉnh bởi chính kẻ cầm đầu."*

Năm 1979, Hoa Việt mới đập nhau, nhưng từ 1977 đã tông vào mặt nhau những lời nặng chí tử.

Xét người như thế, cọng sản Việt nam chưa thấy có lời xét mình về chính sách văn hóa của họ tại miền Nam từ sau tháng 4, 1975.

oOo

Như ai nấy đều biết, ngay từ những ngày đầu tháng 5, 1975, ngay sau khi mới từ Bắc vào tiến chiếm xong miền Nam, nhà cầm quyền cọng sản đã ra lệnh cấm lưu hành tàng trữ hầu hết tác phẩm văn học ra đời tại miền Nam từ ngay chia cắt.

Trong thực tế, vì sự lưu luyến của dân chúng đối với nền văn học miền Nam cho nên lệnh không được thi hành nghiêm chỉnh tức khắc.(Vả lại, ngay cán binh cọng-sản từ Bắc vào cũng khoái đọc văn thơ miền Nam, cũng tìm mua, cất giấu.) Tuy nhiên, đôi ba năm sau rốt cuộc đại đa số tác phẩm văn học miền Nam đã bị thiêu hủy.

Văn nghệ sĩ thì bỏ tù, sách vở thì thiêu hủy, bia tượng thì đập phá v.v... như thế chuyện man rợ hay không man rợ dù chưa nói đến, hành động của quân giặc từ Bắc vào Nam cũng không khác gì của quân giặc từ Tàu sang ta.

Bảo rằng sự cướp phá của quân Tàu không tự động tự phát mà có sự điều khiển của kẻ cầm đầu (cho nên càng man rợ tệ hại hơn), thì sự phá phách văn học của cọng sản tại miền Nam lại càng không tự động tự phát chút nào, càng có sự điều khiển chặt chẽ của kẻ lãnh đạo. Cuộc tàn phá văn học tại miền Nam là cả một chính sách.

Chính sách ấy được nghiên cứu cẩn thận. Và những kẻ đề ra chính sách này thâm độc hơn Minh Thành Tổ nhiều.

Thật vậy, năm thế kỷ rưỡi sau giặc Minh, chính sách tiêu diệt văn hóa địch của cọng sản không chỉ đơn thuần nhằm đốt sách, đập bia v.v... Nó còn lắm kế hoạch âm thầm mà nguy hiểm, tai hại.

Lần này, xin nêu ra một.

oOo

Tiện tay hãy lật ngay cuốn *Thơ văn Lý Trần* vừa nói trên, nơi tập I trang 9, nói về các bản dịch thơ văn ngày xưa viết bằng chữ Hán, có đoạn kể đến "*những bản dịch, bản phiên âm có giá trị, từng công bố đó đây trên sách báo, của* Đinh văn Chấp, Ngô tất Tố, Nguyễn Lợi, Đông Châu, Đỗ Nam Tử, Đinh gia Thuyết, Hoàng xuân Hãn, T.T.K. Trần văn Giáp. Nguyễn Đổng Chi,

Đào Duy Anh, Cao Huy Giu, Đoàn Thăng, Hoa Bằng ..."

T.T.K. : Người nào vậy ? Người nào lại không có tên, kỳ cục nhỉ ! Trong số 14 người đã có công góp phần vào việc phát huy kho tàng văn học dân tộc, tội nghiệp cho một con người vô danh, mờ mịt.

Những nghiệm lại mới biết ra T.T.K. không ai khác hơn là Trần Trọng K... vị học giả đã có những công trình trước thuật vô cùng quan trọng trong một giai đoạn văn học của nước nhà, vị học giả mà không một người Việt nam nào không biết đến.

Người ấy sở dĩ bị mất tên chỉ vì trót có một lập trường chính trị khác với cọng sản !

Trong pho sách dày, một cái tên tác giả bị viết tắt, chi tiết ấy thoạt tiên có vẻ nhỏ nhặt, không đáng để ý. Nhưng chi tiết thì nhỏ, nhưng nó nằm trong một kế hoạch không nhỏ. Nó liên hệ đến những "chi tiết" khác ở khắp các sách báo khác.

Chẳng hạn, trong cuốn *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại* của Nguyễn tài Cẩn (Nhà xuất bản Khoa học Xã-hội - Hà-nội - 1975) là một sách nghiên cứu về ngữ pháp, tất cả các thí dụ đều trích dẫn từ các tác phẩm văn nghệ. Trên bản "Xuất xứ các câu ví dụ" liệt kê chừng năm chục tài liệu được trích dẫn. Chúng tôi tò mò đọc qua : Không có tên Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo v.v... Thì rasuốt ba trăm trang sách, tác giả tuyệt nhiên không có một lần nào trích ra một câu ngắn, một đoạn nhỏ của các nhà văn nọ, dù là một chút gì vô thưởng vô phạt chỉ liên hệ đến ngữ pháp, đến việc sử dụng từ loại danh từ mà thôi ! Một sự tránh né, kiêng kỵ hết sức cẩn thận.

Nhưng không phải lúc nào cọng sản cũng chỉ một

mực tránh né, -- sự việc không chỉ đơn giản như thế.

Năm 1975, nhà xuất bản Đại học và Trung-học chuyên nghiệp (Hànội) in cuốn *Văn học Giải phóng miền Nam* của Phạm văn Sĩ, dày 450 trang. Sau khi ca ngợi vung vít các văn công cọng sản xong, tác giả lại dành ra trên năm chục trang để mạt sát văn học miền Nam, chửi rủa văn nghệ sĩ miền Nam. Trong số đó Võ-Phiến "được" dành phần 3 trang, Chu-Tử 2 trang, Vũ-khắc-Khoan 1 trang rưỡi, Hồ-hữu-Tường 1 trang v.v...

Đây không phải là chuyện bất ngờ, vì trước đó, trước 1975, trên tạp chí *Văn Nghệ* ở Hà-nội, thỉnh thoảng có những bài chửi rủa các nhà văn nói trên thật kỹ lưỡng, công phu.

Thành thử người ta thấy có một giai đoạn cọng sản ra sức tấn công hung hăng vào những văn nghệ sĩ đối nghịch với họ, rồi đến một giai đoạn khác họ rủ nhau... bỏ qua, nín lặng.

Những biện pháp ấy thực ra không mâu thuẫn nhau, mà là bổ túc cho nhau để cùng đạt tới mục đích. Lúc ban đầu, đối với những nhà văn có ảnh hưởng trong quần chúng, họ không thể làm ngơ được, không thể khoanh tay trước cái ảnh hưởng ấy đủ [illegible] vậy họ phải hùng hục đánh phá. Ba mươi năm trước, 1945 - 1950, đối với Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo v.v... những nhà văn trong Tự lực văn đoàn, cọng sản cũng từng mở cuộc vu cáo, phỉ báng thậm tệ.

Thế rồi, thời gian trôi qua, đời ba mươi năm sau, tại phần đất dưới quyền cọng sản, có một lớp người mắt chưa hề đọc đến, chưa từng trông thấy một tác phẩm nào của Nhất Linh, Hoàng Đạo, Trần trọng Kim v.v.., cọng sản bèn nín lặng lướt bảo nhau không nhắc đến những tên tuổi ấy nữa, để nhân dân quên hẳn họ đi,

làm như thể họ không từng có ở trên đời ! Rồi đôi ba mươi năm sau nữa, đến lượt những tên tuổi như Chu Tử, Võ Phiến, Hồ hữu Tường, Thanh tâm Tuyền cũng sẽ bị lờ đi như vậy : Sách *Văn học giải phóng*... sẽ mất phần phụ lục, mọi sách biên khảo không được phép trích dẫn một lời một câu nào của họ, không được nhắc đến tên họ v.v...

Tác phẩm bị cấm, bị đốt, tên tuổi bị ém nhẹm, họ là nạn nhân của một kế hoạch xóa cho mất dạng.

oOo

Một dân tộc này tiêu huỷ thành tích văn học của một dân tộc khác là man rợ : một chế độ này tiêu huỷ thành tích văn học của một chế độ khác (cũng tiêu huỷ nhằm "một mục đích được nhận thức hoàn chỉnh bởi chính kẻ cầm đầu") có man rợ chăng ?

Dẫu sao, ở đây chúng ta không có ý nêu chuyện ra để sỉ vả suông. Chúng ta muốn đặt ra một vấn đề thực tế.

Sự cướp phá man rợ của giặc Minh đã tạo một mất mát lớn lao, gây một lỗ hổng trong văn học sử Việt nam, làm điêu đứng các nhà nghiên cứu các thế hệ sau.

Bây giờ đến lượt phá phách của giặc cộng. Chế độ cộng sản hiện thăng thế, cầm quyền ở Việt nam, nhưng chắc chắn nó không thể vĩnh viễn tồn tại. Chế độ chỉ là tạm bợ, nhất thời: dân tộc mãi mãi còn lại. Một ngày kia, khi cộng sản tàn rụi, dân tộc bước qua giai đoạn khác, các nhà nghiên cứu về văn học sử sẽ lại khốn đốn trong việc tìm ra tài liệu, tác phẩm v.v... của những nhà văn Nhất Linh, Khái Hưng, Chu Tử v.v...

Người viết văn học sử phải phục hồi một dòng lịch sử liên tục, mà trong đó giặc Minh đã dứt lìa một đoạn, cọng sản dứt lìa một đoạn khác.

Đối với chuyện giặc Minh xa xưa, chúng ta không can thiệp được nữa. Nhưng đối với chuyện cọng sản đang tiến hành hiện tại, thiết tưởng chúng ta có nhiệm vụ làm những gì có thể làm được để giảm thiểu hậu quả về sau.

Ngày nay sách báo tài liệu một dân tộc này được lưu trữ ở thư viện nhiều nước khác. Tài liệu văn học Việt nam chẳng hạn được bảo tồn khá nhiều ở Pháp, ở Mỹ v.v... Tuy nhiên không thể nào bảo tồn đầy đủ được. Mỗi người trong chúng ta đều có bổn phận góp sức vào việc bảo tồn ấy. Gần đây, sau ngày tị dân Việt nam vào Hoa kỳ, thỉnh thoảng có xảy ra những trường hợp sách báo Việt ngữ ở thư viện Mỹ được chiếu cố, mượn đọc rồi... bị mất luôn. Đó là chuyện thật tai hại.

Chẳng những chuyện ấy không nên tái diễn nữa, mà có lẽ chúng ta còn nên đem những tài liệu văn học riêng mang theo được trong cuộc di cư mà ký thác vào các thư viện lớn để được bảo tồn lâu dài, chắc chắn, bằng phương tiện thích hợp, tối tân, tránh nạn thất lạc hư hỏng qua thời gian. Những kẻ mang sách theo trên bước đường bôn tẩu từ lục địa nọ sang lục địa kia nhất định là những kẻ quí sách, có lòng tha thiết với văn học. Tuy nhiên, một cá nhân hay một gia đình dù tha thiết đến đâu e cũng khó lòng có đủ điều kiện để giữ gìn những vật quí ấy được lâu dài, nhất là trong cuộc sống lênh đênh, bất định của kẻ di dân.

Chê bai, mắng nhiếc, nguyền rủa kẻ phá hoại không ích lợi gì. Chúng ta hãy khuyến nhau bắt tay ngăn chận bớt cuộc phá hoại ngay từ lúc này là hơn.

MỘT CHÚT XANH loang trời

NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN

Đêm qua một cơn mưa thật to đã đến trên thành phố. Buổi sáng, tiếng gió và tiếng sóng biển gào thét đánh thức cô bé. Trời mù cảm và những cành keo bên song của còn rủ lá buồn sũng nước, cô bé ra sau vườn thăm những luống huệ cô mới ươm tuần rồi, những cánh hoa tả tơi nằm bẹp sát trên mặt đất bên cạnh đàn vịt con lạnh nằm co ro trong chuồng. Cô bé muốn khóc. Cô mang chúng vào nhà sưởi. Mẹ bảo chúng chưa lội theo cơn nước lũ ra biển là may rồi đấy.

Cô bé bảo mẹ cô muốn ra thăm biển sáng hôm nay để quên nỗi buồn phiền cây trứng cá sau hè rụng hoa trắng cả sân. Sáng nay mặt trời không đến trên thị xã,

những con đường vắng hoe, gió đêm qua vẫn còn thổi lạnh trên hai bàn tay cô tím ngắt. Mẹ bảo cô phải choàng foulard và đi giày, nhưng cô bảo không ai ra biển choàng foulard, rồi cũng đành phải nghe lời mẹ đi giày dẫu tiếc rẻ đôi giày dấu mất đi nỗi hạnh phúc sau con đường nhựa cứng cát biển sẽ mịn hơn trong lòng bàn chân.

Sáng nay biển trở cơn giận, đập những làn sóng phũ phàng vào bờ, cơn mưa và gió đêm qua xoáy bãi biển thành những cồn cát nhỏ. Bãi biển như một vùng đất hoang vu xa lạ. Con chó nhỏ của cô chạy lăng quăng phía trước, cô không nhìn thấy một dấu chân người trên những cồn cát ngoài dấu chân cô nhỏ bé, lạc loài nối tiếp nhau bờ biển rộng trơ vơ...

Hắn nằm sấp trên mặt cát như một con cá bị sóng đưa vào bờ, hắn hiện ra như một bất ngờ không có khởi điểm. Gió thổi hai bên tai cô phần phật, chiếc áo dài quấn lấy chân, cô giữ lại mái tóc mình và tiếc rẽ sao đã không cột chúng lại bằng một sợi thun. Con chó chạy chung quanh gã người lạ gầm gừ nho nhỏ. Hắn nằm yên không nhúc nhích, cô bé đứng lặng thinh nhìn hắn và con vật. Gió vẫn thổi hai bên thái dương. Cô tự hỏi có phải sóng biển đã đưa hắn đến đây không để lại dấu vết, và hắn có còn sống hay đã chết mất. Hắn hơi dạy động và quay đầu nhìn cô bé, đôi mắt cô mở to, màu nâu hạt dẻ. hắn lên tiếng :

-- Cô không là mắt đen sao ?

Cô lắc đầu, gió vẫn thổi, cô nghĩ chắc mình phải hét to mới át được tiếng gió và tiếng biển ngoài kia.

-- Mẹ bảo mắt tôi màu nâu. Ông làm gì đây ?

-- Phơi nắng. Yên lặng một chặp hắn tiếp; "chờ đợi, và... ngủ quên."

Hắn lại yên lặng, đôi mắt hắn nhìn theo con chó chạy quanh. Cô bé gọi; Vện, vện nào.

-- Nó tên gì ?

-- Vện.

-- Tại sao ?

-- Vì mình nó có vện.

-- Nghe buồn cười. Hắn ngồi dậy phủi những hạt cát bám trước ngực và xoay người nhìn ra biển.

-- Thế ông đã gặp điều ông chờ đợi chưa ?

Hắn không trả lời, hỏi lại :

-- Tôi gọi nó có tới không ?

-- Ai ?

-- Con Vện.

-- Tôi nghĩ là có. Cô gọi tên con chó: "Vện, Vện." Con vật ve vẩy đuôi đứng yên bên cô.

-- Tôi có hai con chó, một đen, một vàng.

-- Ông gọi chúng là gì ?

-- Pilot và Luz.

-- Tại sao ?

Hắn nhún vai: "Chẳng tại sao hết, thấy thích." Hắn ngước nhìn cô :

-- Trời gió quá nhỉ. Sao không buộc tóc lại ?

Cô giữ lại mái tóc, "Quên. Ông từ đâu tới vậy ?"

Hắn như không nghe thấy câu hỏi, im lặng lấy tay vẽ trên mặt cát, và như quên mất cô bé còn đứng đấy hắn nói một mình: "Có lẽ tôi đã nên đặt tên chúng là Mực và Vàng. Nhưng bây giờ thì chẳng còn dịp nào nữa."

Gió vẫn thổi trên đầu, hai bên vai cô, vạt áo bám sát vào chân, một cơn sóng lớn tràn những bọt trắng gần chỗ gã người lạ ngồi.

-- Không ai đi phơi nắng trong một ngày không có nắng như hôm nay.

-- Tôi đợi nắng lên. Cô làm gì ngoài bãi gió này ?

-- Tôi đi thăm biển. Đêm qua mưa to lắm ông biết không ?

-- Mùa này là mùa biển động. Những ngày mai trời sẽ tốt.

-- Sao ông biết ?

-- Thì cứ hy vọng vậy. Hắn lại rún vai tiếp: Tôi nghĩ vậy.

Cô bé nhìn mặt đất bên cạnh hắn: Tôi ngồi xuống được không ?

-- Cát ướt lắm đấy, hắn nói và nhích người qua một bên, coi chừng cô ướt áo mất.

Cô bé ngồi xuống, vọc đôi tay trắng vào lớp cát ướt, hắn hỏi :

-- Cô biết xây nhà trên cát không ?

Cô bé lắc đầu, xây nhà trên cát dễ sập lắm. Nhất là những ngày bão như hôm nay, cát lở.

Hắn rún vai quay nhìn cô :

-- Lạnh không ? Chưa bao giờ gió như hôm nay.

-- Mẹ bảo tôi phải quấn foulard sáng nay. Bầy vịt con của tôi đêm qua lạnh cóng. Mẹ bảo phải sưởi chúng trong bếp.

-- Mấy con ?

-- Tám, những con Vện ăn mất một, còn bảy.

-- Nó có ăn chuột không ?

-- Ai ?

-- Con Vện. Con Pilot và con Luz ăn cả chuột nữa.

-- Tôi không thích chó ăn chuột. Không... Vện, lại đây.

Hắn nhìn theo con chó nhỏ vâng lời chạy tới theo tiếng cô bé gọi, hắn nói :

-- Tôi xây được nhà mới hoài hoài, sau mỗi lần cát lở.

-- Tôi không thích phải cực nhọc suốt đời như vậy. Tôi thích cái gì còn mãi mãi muôn đời.

Hắn lặng thinh, nhìn ra biển, phía mặt trời mọc nhưng không ai nhìn thấy. Cô nhìn theo ánh mắt hắn, chẳng thấy gì cả ngoài một bầu trời mù câm và biển đục ngầu giận dữ.

-- Tôi ghét trời bão lắm. Những ngày bão không bao giờ có mặt trời. Cô bé than phiền và co ro thu tay vào lòng.

-- Ngày mai trời hẳn sẽ xanh hơn.. Cô bé nhìn hắn, đôi mắt cô nghi ngờ, hắn cười. Vì... hôm nay bão, có lẽ. Cô bé yên lặng chấp nhận lời giải thích của hắn, hắn tiếp. Tối chờ đợi ngày mai ấy.

-- Cây trứng cá sau vườn nhà tôi rungsạch cả những hoa vừa mới ra.

Hắn không nói, đôi mắt vẫn nhìn về phía biển tìm kiếm mặt trời. Chán nhìn màu xám nghịt trước mặt, cô bé [illegible] hắn. Hắn, nước da màu nâu đỏ như một bức tượng đồng. Cô muốn hỏi ông không thấy lạnh trong một ngày vừa dứt bão như hôm nay sao. Gương mặt hắn bình thản, không tình cảm nào ẩn hiện. Hắn xoay đầu lại nhìn thấy cô, cô chỉ thấy chúng như hai tinh cầu xa lạ lạc lõng ở một cõi nào đó. Cô nhìn đôi mắt ấy, cô muốn mỉm cười và hỏi ông đã nhìn thấy mặt trời của ông chưa, nhưng cô bỗng thấy sợ hãi.

-- Này ông, ông làm tôi sợ.

Hắn vẫn lặng thinh như không hề có sự hiện diện của cô. Cô có cảm tưởng như đôi mắt hắn co buồn rầu hơn. Hắn trở lại với mặt trời của hắn. Cô bé đứng dậy, phủi cát bám trên áo, cô nói :

-- Tôi phải trở về.

Hắn vẫn ngồi yên như một nhà tu già đang ngồi thiền. Hình như cô thấy đôi môi hắn mấp máy [illegible] gió gào

bên tai cô và biển như trăm ngàn lớp sóng vào bờ. Hắn nhìn cô lặp lại những lời bị gió cuốn :

-- Ngày mai cô có trở lại ?

Cô bé ngập ngừng rồi gật đầu. Ngày mai ông vẫn còn chờ đợi chứ ?

Hắn gật đầu, gió như im hẳn, họ nghe cả tiếng sóng biển ngấm vào mặt cát.

-- Tôi ghét phải chờ đợi lắm ông ạ. Đợi chờ lâu dễ làm tôi chán nản và chắc là giết mòi mòn những nôn nao ban đầu.

Hắn vẫn ngồi yên, hơi mỉm cười. Lần đầu tiên cô nhìn thấy nụ cười của hắn, như một tí nắng chợt bất ngờ đến sau những ngày mưa bão.

Cô bé quay đi, cô gọi con chó, Vện ơi về thôi. Bước chân cô ghi dấu trên những cồn cát, con Vện lăng quăng chạy trước. Hắn còn ngồi lại, đôi mắt lại bắt đầu tìm kiếm một đợi chờ không bao giờ thấy của mình.

*
* *

Cô bé ra biển trễ sáng nay khi nắng đã lên; cơn bão hôm qua như biến mất khỏi đời sống, sau vườn nhà những luống hoa bắt đầu vươn trở dậy, những bông hoa trứng cá rụng đã rã rời tan biến, bầy vịt sáng nay lại lạch bạch sau vườn và mẹ bảo có phải mang theo con Vện đừng để nó ở nhà đuổi vịt.

Trời hôm nay không gió, cô bé không muốn buộc tóc mình lại, bãi biển vẫn vắng người vì tháng ba là mùa biển động, và mặt trời hôm nay chiếu thẳng vào mặt cô chói lòa.

Hắn vẫn nằm ở bãi biển cũ, mặt cát hôm nay phẳng lặng như biển, những cồn cát hôm qua không còn sót lại gì sau cơn nước rút, cô và con Vện dừng lại dưới chân gã

người lạ, bỗng cả hai che khuất ánh mặt trời đang bao bọc hắn. Hắn trở người và choàng dậy. Cô bé hình như có nhìn thấy một thoáng trong mắt hắn đôi mắt nâu và nụ cười của mình.

-- Tôi sắp ngủ quên.

-- Tôi xin lỗi. Mẹ bảo tôi phải cho bầy vịt ăn và dọn những lá trứng cá rụng vì còn bão hôm qua.

Cô ngồi xuống bên hắn, dấu những ngón chân mình trong cát, thân hình hắn chói đỏ hơn dưới mặt trời, và những hạt cát long lanh trên lưng hắn.

-- Hôm nay sinh nhật tôi ông ạ.

Hắn quay nhìn cô, cô bé đôi mắt nâu to và những sợi tóc như tơ mềm bay phất phơ trong gió và nắng buổi sáng, hắn hỏi khẽ mỉm cười :

-- Mừng cô thêm một tuổi.

Cô bé vuốt những sợi tóc lòa xòa trước trán, Mẹ bảo tôi phải tập làm người lớn.

-- Buồn nhỉ.

-- Tại sao ?

-- Vì người lớn thường dễ chán nản lắm cô ạ.

Giọng nói của hắn buồn quá làm cô bé không biết mình phải nói gì, cô nghĩ có lẽ làm người lớn hẳn phải buồn ghê lắm: cô vén lặng chôn hai bàn tay mình dưới cát, và hắn vẽ những hình thù vô nghĩa trên mặt cát ướt. Biển hôm nay thật hiền lành, họ nghe cả tiếng biển đập những làn sóng nhỏ vào bờ, hắn hỏi bâng quơ :

-- Mẹ cô gọi cô là gì ?

Cô bé lắc đầu: Tôi không biết. Ở nhà mẹ chẳng gọi tôi là gì cả.

-- Tôi sẽ gọi cô là Mắt Nâu. Tôi thích đôi mắt màu nâu của cô. Cô mấy tuổi hôm nay ?

-- Mười hai, mẹ bảo.

-- Hôm qua cô Chín, có phải ?

-- Ở, tôi mau thay đổi vậy sao ?

-- Không, cô không thay đổi. Cô lớn hơn. Tôi cũng lớn hơn hôm qua một ngày.

-- Tôi đi nhanh đến ba năm lận ông nhỉ. Làm sao để đi chậm lại hỡ ông ?

Hắn cũng không tìm được câu trả lời nào cho câu hỏi làm sao đừng đi quá nhanh của cô nên hắn lặng thinh, hay có lẽ hắn đang bận rộn với công việc mới của hắn không chừng : xây một ngôi nhà bằng cát biển.

-- Ông xây nhà mới hỡ ?

-- ...

-- Ông đã nhìn thấy mặt trời ông chờ đợi chưa ?

Gã người lạ bỗng xóa bỏ công việc hắn đang làm dở dang :

-- Tôi không muốn xây nhà trên cát nữa. Chắc cát sẽ lở.

-- Hết bão rồi, cát đâu còn lở nữa. Này ông, ông từ đâu tới vậy ?

-- Cô lại hỏi tôi câu hỏi ấy. Điều ấy có thật quan trọng không cô nhỉ. Tôi theo sóng biển đến đây. Và tôi chán ngán biển. Biển rộng lắm cô ạ.

-- Ô, tôi thì trái lại, tôi cứ có cảm tưởng mình đi hoài mà chưa đến biển. Tôi thích được ra đến biển. Mẹ bảo tôi như một giòng sông nhỏ, ông biết không, những giòng sông nhỏ, chúng qua bao nhiêu thác ghềnh để chỉ được đến biển. Vì biển bình an và che chở, có lẽ.

Mặt trời vẫn tiếp tục lên cao ngoài kia, hắn nhắm mắt :

-- Tôi chờ đợi nắng lên và bây giờ mặt trời làm chói mắt tôi. Không, tôi chỉ thấy biển là những cơn bão. Và

tôi bây giờ không còn là trẻ con nữa để yêu mê những cơn bão biển. Hắn tôi bây giờ như một tay đi biển về già, chán ngán những cơn biển động. Tôi sẽ đào một con rạch nhỏ cho riêng tôi.

-- Ông sẽ chán những con rạch nhỏ hẹp, vì ông đã đi qua những biển rộng...

-- Con rạch tôi đào sẽ là con rạch nước mặn cô ạ. Và hắn cười... Bầy vịt của cô có con nào chết vì còn lạnh hôm qua không ?

Cô bé lắc đầu. Mẹ bảo chúng chưa theo cơn mùa hôm rồi ra biển là may lắm đấy. Vì một khi chúng đi chắc chúng sẽ chẳng trở về. Biển thì rộng mà chúng thì còn quá bé để biết nuối tiếc những vũng nước sân vườn nhà đặng trở về.

-- Cho dầu chúng là những con vịt già, chúng cũng chẳng trở về. Họ nói khi già rồi người ta dễ mỏi mệt và chán ngán, dầu nhiều khi rất mong ước.

-- Vậy thì buồn quá ông nhỉ.

-- Cô may mắn vì vẫn còn buồn được những điều không đâu như vậy. Sáng nay cô che mất mặt trời của tôi.

-- Tôi chỉ muốn đánh thức ông.

-- Tôi nghe tiếng chân cô và của con Vện.

-- Làm sao ông nhận ra được. Có rất nhiều người ra bãi sáng nay.

-- Họ là những bước chân lạ. Đi ngang qua và không đứng dừng hay trở lại. Cô đã trở lại.

Cô bé không nói nữa nhưng bẽn lẽn nhìn theo những cánh chim trắng không biết từ đâu đang bay lượn đầy trời.

-- Trông như chúng đang muốn bay về hướng mặt trời. Có bao giờ chúng tới mặt trời không ông nhỉ.

Hắn mở mắt, nhưng lại nhíu lại vì ánh nắng gay gắt,

hắn hỏi; Ai ?

-- Những con chim trắng.

Hắn quay nhìn cô, cô mấy tuổi ?

-- Ông quên rồi hở ?

Hắn lắc đầu. Cô bé cười. Tiếng cười tỏa như những tia nắng đang làm gã người lạ chói ngộp; Ông hỏi để mà hỏi. Chẳng có câu trả lời nào cho câu hỏi ấy ông ạ.

Hắn nhìn cô, và hắn cười, tiếng nói hắn bỗng dịu dàng hơn, nghe chừng như tiếng gió đang thổi dùa trên những hàng phi lau ngoài bãi.

-- Tôi chẳng muốn xây nhà trên cát nữa.

Cô bé quay nhìn hắn; ông nói với tôi điều ấy rồi.

-- Tôi bắt đầu thấy mình sợ những cơn cát lở.

-- Ông nói như một người đã già. Bao giờ tôi mới bắt kịp ông. Mẹ bảo tôi chưa kịp lớn.

-- Đừng bắt kịp tôi, chỉ vì có rất nhiều điều mình không bao giờ muốn chúng đã được xây trên những bờ cát lở.

-- Bao nhiêu ngôi nhà ông xây đã đổ ?

Hắn lắc đầu, có thể tôi chưa xây gì cả, hay là tôi không nhớ hết cũng nên.

Cả hai lại yên lặng, hắn v[illegible] cát tướt, cô bé ôm gối ngồi nhìn bầy chim trắng đang cố bay về hướng mặt trời, họ nghe tiếng nắng đang lên dần trong buổi sáng. Cô gọi :

-- Này ông, ông có nhìn thấy mặt trời lặn bao giờ chưa ?

-- Tôi nhìn thấy mặt trời mọc trên biển mỗi sáng.

-- Sau nhà tôi là núi ông ạ, tôi nhìn thấy mặt trời lặn sau núi mỗi chiều. Mẹ bảo không có gì đỏ bằng mặt trời lặn.

-- Này ông, cô gọi hắn một lần nữa, và cô cười thật khẽ. Tôi ghét sự yên lặng lắm, mỗi thứ đều nặng nề khi nó yên lặng, cả sự cô đơn nữa. Mẹ tôi bảo vậy. Ông vẫn chưa nói tôi nghe ông có sẽ trở về biển nữa hay không.

-- Chúng ta thường phải chấp nhận những điều chúng ta đã chọn lựa, dầu sự chọn lựa ấy đã là một lầm lỡ đi nữa.

-- Ông không thích ở đây ? Ông muốn trở về biển ?

Hắn gật đầu. Nhưng tôi sợ những cơn bão biển. Tôi đã nói với cô điều ấy chưa ? Tôi thấy mình mệt mỏi, tôi muốn nghỉ ngơi.

-- Ông sợ ?

Cô nghe hắn lặng thinh. Cô nhìn hắn, đôi mắt hắn đang xa vắng nhìn về biển rộng, cô cắn môi, nói thật khẽ. Tôi xin lỗi.

Hắn rún vai. Phải, tôi sợ. Có lẽ vậy.

-- Rồi ông có trở về với biển ?

Hắn nhìn cô, đôi mắt cô bé nhìn hắn đợi chờ. Hắn gật đầu, và thấy trong đôi mắt đợi chờ ấy có một nụ cười:

-- Ông sẽ trở về dầu biển có đổi thay, không còn như của trí tưởng chứ ?

Hắn gật đầu. Tôi hứa mình sẽ trở về.

-- Ờ, tôi ước gì mình cũng có một nơi chốn để trở về như ông.

-- Nhưng cô có một nơi để đi đến. Tôi không còn nơi nào ngoài bãi biển này và thành phố trong kia. Với loài người tôi chỉ là một người khách lạ.

Hắn nói xong và lặng thinh, đôi mắt hắn cũng yên lặng. Cô bé nghĩ rằng cô rất buồn khi hắn chỉ là một người khách lạ trong thế giới loài người của cô. Hắn quay sang hướng khác, và bắt đầu đắp đất xây một tòa nhà trên cát. Cô bé im lặng theo dõi công việc mới của hắn.

-- Trong tòa nhà ấy có một công chúa và hoàng tử

không ông ?

-- Có chứ.

-- Đàn vịt của họ mấy con ?

Hắn nhìn cô bé, hơi mỉm cười hắn nói :

-- Tám con, nhưng một con bị đi lạc mất rồi.

-- Ô, nó đi lạc có trở về không ông ?

-- Về chứ.

-- Buồn nhỉ, con vịt của tôi chẳng bao giờ trở lại vì nó đã chết mất. Tôi chôn bộ lông nó dưới gốc cây trứng cá.

Hắn đắp xong tòa lâu đài, phủi lớp cát bám trong tay, hắn quay nhìn cô: Tôi tặng cô tòa lâu đài này.

Cô bé mỉm cười như một người lớn khi được tặng quà: Những ông ạ, tôi phải về.

Hắn cười nhưng trả lời buồn bã: Tòa lâu đài của tôi lại cất lỡ nữa rồi.

-- Tại sao ?

-- Vì cô không nhận nó. Cô còn trở lại ngày mai không ?

-- Ông có còn ở đây không ?

Hắn lắc đầu. Mai tôi đi rồi.

-- Ông đi đâu ? Ông không còn chỗ đợi nữa ư ?

-- Tôi trở về nơi tôi đã đến. Hắn lặp lại. Cô có còn ra biển ngày mai ? Bắt chước cô tôi chán nản đợi chờ. Tôi phải trở về trước khi tôi kịp già để mệt mỏi cả chuyện trở về.

-- Tôi có bao giờ nhìn thấy ông một lần nữa ?

-- Tôi sẽ đi và cô sẽ quên tôi. Những kẻ ra đi luôn bị quên lảng cô a.

-- Buồn nhỉ, ông dễ thương lắm mà tôi lại chẳng còn gặp ông nữa, và sẽ quên ông. Này ông, tôi nên nói gì trước khi tôi không còn gặp ông nữa ?

-- Cô chẳng phải nói gì hết, vì cô ở lại. Tôi mới phải nói.

-- Ông nói đi, tôi phải trở về. Trời đã trưa chưa ông nhỉ ?

-- Có lẽ sẽ là, "sao mắt cô màu nâu ?"

Cô bé mỉm cười. Hắn vẫn đứng yên, cô nghĩ rằng hắn rất đẹp như một tướng người nào đó mà cô đã thấy trong những cuốn tự điển của trường học. Cô mỉm cười và nói thật khẽ. Tôi về. Hắn vẫn đứng yên, cô bé quay đi và gọi, Vện ơi, về thôi. Những bước chân nhỏ của cô lún trên bãi cát khô mịn đang bắt đầu nóng bỏng.

Đến mặt đường, cô quay nhìn lại, hắn vẫn còn đứng đấy, phản chiếu ánh mặt trời sau lưng hắn chói chang. Cô đưa tay vẫy, hắn vẫy lại, cô nghe hắn kêu trong gió. Mừng Sinh Nhật, và cô có cảm tưởng hắn đang mỉm cười. Cô muốn lặp lại cảm ơn ông nhưng yên lặng, cô quay lưng đi.

Sáng hôm sau cô bé ra biển thật sớm. Gã khách lạ không có đấy. Vẫn biết là vậy nhưng cô cứ thấy mơ hồ mình luyến tiếc vì hắn đã đi rồi. Tòa lâu đài họ xây hôm qua đã biến mất sau những cơn sóng, chỗ ngồi của họ ngày hôm qua chỉ còn là một xoáy cát nhỏ, một con cá bé bị sóng biển đưa vào đêm qua mắc cạn nằm chết. Mặt trời buổi sáng bắt đầu lên đỏ chói. Bầy chim trắng cũng đang vỗ cánh về hướng mặt trời rực rỡ. Cô bé thấy trời và biển thênh thang và hình như cô thấy mình cũng đang trở thành một kẻ đợi chờ một điều nào đó cô không hề biết. Cô nhìn về phía biển, cô nghĩ đến nơi hắn đã đến và đã đi, chẳng có gì trừ biển còn hoài rì rào tiếng sóng buồn tênh như đời sống.

NGUYỄN THỊ NGỌC LIỄN

tình quê

Có ai còn nhớ Yên Mô,
Sông Càn,núi Bảng đến giờ còn không ?
Hay là núi đã thành đồng
Cây đa mất gốc, khúc sông lạc giòng !
Đầu làng giếng nước còn trong ?
Ao đình cỏ mát ?sen hồng còn tươi ?
Tre cao còn giỡn mây trời ?
Ngói sơn còn đỏ nụ cười trẻ thơ ?
Sân trăng, ngõ gió ngày mùa
Còn nghe giọng hát câu hò véo von ?
Hàng rau, luống cải còn non ?
Giàn hoa thiên lý có còn đầm bông ?
Giò lan, nhánh cúc, khóm hồng
Giờ đây ai tưới ai trồng ai nom ?

Quê nhà từng mảnh con con
Khâu khâu vá vá đã mòn đường kim,
Chắt chiu gìn giữ áo xiêm
Như con đỏ vững niềm tin bế bồng !
Cho dù đổi núi thay sông
Xóm làng đùm bọc trong lòng còn nguyên
Ai đi xin nhớ đừng quên
Tình Quê thắm thiết như duyên vợ chồng !

PHẠM TĂNG
(La-mã 1970)

SAY CHIỀU NẮNG HẠ

Những buổi chiều trôi trong lãng quên
Về đầy gặp c ảm giác không tên
Ưu tư trộn lẫn niềm say đắm
Tôi mất ngày thơ, nắng dịu hiền.

Trang sách mở khung trời kỷ niệm
Ngọt mềm bện gối tiếng ru xa
Bến trưởng cửa sáng, trời lam rộng
Rợn bóng ngày xanh hay bóng ma ?

Đất khách, chung cư, ô cửa gương
Vùi bao tâm sự kẻ tha hương
Hè đang trải cỏ xanh ngoài bãi
Chiều muộn mờ phai những bức tường.

Bản đàn hay tách cà-phê đặc
Thắp lại bao lần nỗi nhớ quê
Hăm hở theo sông ra biển rộng
Người nuôi se sắt mộng quay về.

Ôi bản đàn khơi bao bóng tối
Trùm đen viễn ảnh, xóa tưởng lai
Trái tim dẫu đúc bằng gươm rạng
Cũng héo mềm theo bước lạc loài.

Mà tách cà-phê cũng nguội rồi
Vớt chi hương vị thuở xa xôi
Bao thu xanh biếc, bao đông trắng
Sót giữ a hồn tôi, nắng ngậm ngùi.

Đốt thuốc gởi mối người khuất bóng
Đôi nghìn đăm khói, mắt đăm chiều
Bến phương trời cũ, trong chiều muộn
Sầu đến bao giờ, em mến yêu ?

HỒ TRƯỜNG AN
(Ba - le)

TIÊU DAO

Gái hũng nặn mụn mà chơi
Qua năm qua tháng hết đời hẫu vong
Còn gì đâu để chờ mong
Chém cha cái kiếp long đong lăm người.

NGHI
(Little Rock.)

* NGHI là bút hiệu của người thi sĩ tài hoa ở miền Tiểu-Thạch (Little Rock, - Arizona),tác giả nhiều bài thơ đã đăng trên V.H.N.T. Bấy lâu nay , vì không liên lạc được với tác giả, và vì không đọc được chữ viết thảo , chúng tôi đ ã lầm lộn chữ NGHI ra chữ NGH, L. !
Xin thành thật xin lỗi thi sĩ về tội tự tiện đổi bút hiệu.

GÃ TỊ NẠN

"Đồi sưởng mũ" rộng khoảng hai mẫu tây, nằm trên cao độ năm mười mét cách mặt nước Mississippi, mà chỉ có duy nhất một ngôi nhà. Người ta đặt cho cái tên "ngôi nhà gió" có lẽ vì nằm trên ngọn đồi hứng đủ các ngọn gió thổi qua. Tường nhà bằng gạch, quét vôi trắng. Ước chừng ngôi nhà này đã xây trên nửa thế kỷ vì lối kiến trúc cầu kỳ. Bên ngoài ngôi nhà không được chăm sóc, chứng tỏ chủ nhân đi vắng hoặc giả người cư ngụ không tha thiết đến vẻ đẹp bên ngoài ngôi nhà.

Cạnh chân đồi là một thánh đường. Xa hơn chút nữa về phía Tây là xóm dân cư. Người dân của thị trấn này hầu hết đều là con cháu của những người đi tìm đất hứa từ trời Âu trôi giạt đến đây vào cuối thế kỷ mười chín và đầu thế kỷ hai mươi. Họ là những nguoi Duc, Dan Mach, Hoa Lan, Phap v.v... Chính họ là những người đầu tiên góp phần xây dựng thị trấn này trở nên sầm uất. Và, cũng chính họ là những người bảo thủ duy nhất còn sót lại. Vì lẽ đó mà các con cháu của họ đã tách rời nơi chôn nhau cắt rún để đi đến các thành phố khác lập

nghiệp vì không chịu đựng nổi những hành vi bảo thủ cực đoan của cha, ông. Số người ở lại, không hẳn là họ chấp nhận hành vi bảo thủ cửa lớp người già mà vì những lý do riêng tư. Thế những họ không hẳn không bị ảnh hưởng ít nhiều bởi giòng máu di truyền. Do đo, đến năm 1975 rồi mà thị trấn này chưa có một rạp chiếu bóng nào chiếu phim X, trong khi các thị trấn lân cận đã cho phép chiếu phim X từ hàng chục năm trước.

Người được thừa hưởng gia tài "ngôi nhà gió" là một gã tỵ nạn. Thị dân gọi gã là "Mr. Refugee" vì họ không phát âm được cái tên lạc lèo của gã. Gã khai tên là Nguyên Trưởng Nhật. Người Mỹ không có khiếu về ngữ âm nên họ đọc Nguyễn thành "Nuy-en", Trưởng thành "Tren" Nhật thành "Nat". Cái giọng ngọng nghịu của người Mỹ khi đọc tên Nhật làm cho gã buồn cười, cho nên gã để nghị họ gọi gã là gì gì cũng được miễn đừng gọi tên thật của gã vì gã không muốn nghe cái âm ky quái ấy. Thế là từ đó trở đi, gã có tên rất là Mỹ : Mr. Refugee. Và cũng từ đó, cái tên cúng cơm của gã bị xóa hẳn trong trí nhớ mọi người.

Gã tỵ nạn đến đây vào mùa Thu năm Ất Mão, sau khi khăn gói quả mướp từ Cần Thơ sang Thái Lan, rồi từ Thái Lan sang Gap. Người đứng đầu bảo trợ gã là một vị mục sư già, mà gã gọi là mục sư Long. Có lẽ Long là tên Việt nam do gã đặt cho vị mục sư cũng nên. Gã làm một cuộc "trao đổi văn hóa" chăng ? Và là gã muốn chòi xỏ vị mục sư ? Nếu quả thật Long là tên Mỹ thì có nghĩa là đài, và tiếng Hán Việt là Trưởng Thật không có ai hiểu được thâm ý của gã tỵ nạn !

Ngay đầu tiên đến đây, gã được giáo dân, do sự hướng dẫn của mục sư Long, đến tận phi trường Moline đón tiếp một cách long trọng. Vị mục sư già ôm lấy gã, mừng rỡ như là đón tiếp một đứa con yêu quí sống sót trở về từ mặt trận; và gã cũng ôm vai vị mục sư già theo kiểu cách "made in U S A". Sau đó, trong phòng khách của phi trường, vị mục sư già đọc diễn văn chào mừng vị

tân khách mà sau này sẽ là thị dân của "thị trấn sưởng mù". Sau những lời rào trước đón sau cho phải phép xã giao, vị mục sư già nói về sự đóng góp tài chánh cùng tinh thần của giáo dân cho việc bảo trợ gã; và sau hết ngài không quên nhắc nhở gã về điều mà bất cứ người công dân Hoa kỳ lưởng thiện nào cũng đều hướng về, đó là Chúa. Đáp lễ vị mục sư già, gã tỵ nạn kể lại những ngày khổ cực trong trại tỵ nạn ở Thái Lan; về những khoắc khoải, lo âu đối với những người Việt nam còn kẹt lại bên nhà; và sau cùng là ước vọng cho ngày mai. Gã không nói rõ là ước vọng gì, nhưng vị mục sư già đoán là nơi ở, việc làm và định cư.

Rời phi trưởng, phái đoàn đưa gã tỵ nạn về thẳng "ngôi nhà gió" và cho biết là kể từ giờ phút đó, gã được trọn quyền xử dụng ngôi nhà như chính của gã. Vị mục sư và phái đoàn hướng dẫn gã đi quan sát từng địa điểm, từ phòng khách, phòng ăn, nhà bếp đến nhà cầu. Tới mỗi nơi, họ đều giảng giải cho gã hiểu cách sử dụng từng đồ vật và sự tiện ích của nó. Gã tỵ nạn thấm mệt vì nghi cách rườm rà và óc phán đoán hời hợt của người Mỹ.

Sau khi phái đoàn bảo trợ ra về, còn lại vị mục sư già, gã tỵ nạn nói :

-- Thưa ngài Mục sư, nỗi hạnh phúc lớn lao nhất của tôi lúc này không gì bằng một bữa cơm thịnh soạn !

Vị mục sư đến mở tủ lạnh nhưng không có một thức ăn nào bên trong. Vị mục sư già nói chữa thẹn :

– Ấy chết ! Hồi sáng này lo việc đi đón anh nên tôi quên dặn vị phụ tá đi chợ mua thức ăn. Để tôi gọi điện thoại ngay cho Lão ta và sai người đi mua thức ăn cho anh.

Gã tỵ nạn cười, lảng sang chuyện khác :

– Ngài có thể cho tôi biết sơ qua sinh hoạt của thị trấn này cùng các hoạt động của giáo hội ?

Như được gã tỵ nạn gãi đúng chỗ ngứa, vị mục sư già nói thao thao bất tuyệt :

– Thị trấn này có từ năm 1850 nhưng mãi đến 1900 mới thật sự đông đúc vì nhờ có những chuyến di dân lũ lượt từ Âu châu. Kỹ nghệ chính ở đây là chăn nuôi, làm thực phẩm đóng hộp và sản xuất plastic. Mỗi thành phố có nét đặc thù riêng, do đó thành phố này được gọi là "thị trấn sương mù" vì sương mù quanh năm. Về tinh thần, nhà thờ The First Lutheran Church là nhà thờ lớn nhất và cổ kính nhất trong thị trấn, và giáo dân cũng đông hơn các nhà thờ khác. Tôi là vị mục sư thứ tư của nhà thờ này. Hai vị mục sư tiền nhiệm đều là giòng họ của tôi.

Gã tỵ nạn hỏi :

– Vị mục sư kế vị ngài sẽ là con của ngài ?

Mục sư Long lắc đầu :

– Không ! Tôi là người cuối cùng của giòng họ Nelson.

Gã tỵ nạn thắc mắc :

– Ngài không có con trai nối dõi sao ?

– Không ! Vị mục sư già đáp. Tôi độc thân đến giờ phút này nên làm gì có con !

Gã tỵ nạn nghe nói thế bèn hỏi tiếp :

– Tôi nghe nói, hầu hết các vị mục sư đều lập gia đình. Trường hợp của ngài làm tôi thắc mắc không ít.

Vị mục sư già như đoán được ý nghĩ của gã tỵ nạn, ngài tâm sự :

– Nhận xét của anh rất đúng. Sở dĩ tôi độc thân là vì tôi muốn thế ! Tôi không muốn làm anh buồn lây nỗi buồn của tôi trong lúc này. Xin anh cho dịp khác, tôi sẽ kể hầu anh mối tình lắm cảm của tôi.

Gã tỵ nạn lắc đầu, nói :

– Không sao ! Ngài cứ kể nếu ngài thấy tiện. Về phần tôi, tôi thấy không có gì trở ngại. Tôi đã từng chuốc

cay ngậm đắng bởi tình yêu; do đó, những nỗi buồn thống thiết của tình yêu không có chút ảnh hưởng nào đối với tôi, ít nhất là trong lúc này.

Vị mục sư già lấy làm lạ về những lời phát biểu của gã tỵ nạn. Vậy ra gã cũng bị thất tình hoặc giả bị tình phụ hay sao ? Vị mục sư định nói gì thì chợt nghe có tiếng gõ cửa. Ngài đứng lên đi mở cửa. Một thiếu phụ dẫy đà bước vào, tay khệ nệ túi giấy đựng thức ăn. Mụ nhìn gã tỵ nạn, nói như để phân bua :

-- Thật là tệ hết sức ! Sáng nay tôi định đi chợ nhưng nhà tôi bảo tôi đi đón ông nên tôi không đi chợ được. Xin ông vui lòng dùng đỡ món *chop suey* này. Chiều nay lúc bốn giờ, tôi sẽ trở lại với những thức ăn tươi.

Gã tỵ nạn đỡ lời :

-- Xin bà chớ bận tâm. Sự thật thì tôi không đói hẳn, mà tôi chỉ thấy thèm cơm Việt nam thôi ! Nếu không có gì phiền, xin bà vui lòng mua cho một ít gạo, nước tương, ca và rau cải.

Vị mục sư già dặn thêm :

-- Mua cho ông ấy một gói trà tàu. Tôi chắc là ông ấy thích trà lắm.

Người đàn bà mỉm cười và từ giã ra về.

Gã tỵ nạn hỏi vị mục sư :

-- Làm sao ngài biết tôi thích trà ?

Vị mục sư già ra vẻ bí mật :

-- Thế mới tài chứ ! Tôi còn biết anh thích cờ tướng nữa.

Gã tỵ nạn hỏi chột dạ. Làm sao vị mục sư già này biết được sở thích của mình một cách rành rẽ như thế ! Hay ông ấy là "xịa" chăng ?

Như đoán được thắc mắc của gã tỵ nạn, vị mục sư nói :

– Anh thắc mắc cũng phải vì anh không biết tôi nói được tiếng Việt, ăn được mắm nêm, uống trà tàu và chơi cờ tướng.

Gã ty nạn mừng rỡ reo lên :

– À, thì ra ngài đã từng ở Việt nam ? Sao ngài không cho tôi biết trước ?

– Tôi muốn giữ cho anh một sự ngạc nhiên thích thú ! Cái gì bí mật mới hay. Các người trong giáo hội không biết tôi thông hiểu tâm lý người Việt nên họ thường hay thắc mắc các lối đề nghị của tôi. Tôi biết cách đối xử của người Mỹ đôi khi làm anh phật lòng, nhưng anh nên hiểu cho rằng vì họ là người Mỹ, còn anh là người Việt. Chỉ có tôi mới hiểu được anh, song một mình tôi không làm nên cơm cháo gì, vậy xin anh vì tôi mà quên đi những gì anh không vừa ý. Tôi sẽ chỉ cho họ cách làm quen với phong tục người Việt; còn anh cũng nên tập làm quen dần phong tục người Mỹ. Có được như vậy, tình cảm của chúng ta mới được lâu bền.

Gã ty nạn cảm động trước lời phân tách chí lý của vị mục sư già. Gã nói :

– Tôi xin nhận những lời chỉ giáo của ngài. Thực ra, tôi không có điều gì phiền trách hội đồng bảo trợ cả, tuy nhiên nghi thức đón tiếp đã làm tôi thất vọng !

Vị mục sư đứng lên từ giã :

– Thôi để cho anh ăn cơm và nghỉ ngơi. Tôi sẽ cho người đến đón anh tối nhà tôi dùng cơm chiều vào lúc bảy giờ.

Vị mục sư lái xe xuống đồi, gã ty nạn đứng nhìn theo cho tới khi bóng xe của vị mục sư mất hút ở rặng cây dưới chân đồi. Gã không muốn bước vào trong nhà. Ngôi nhà to lớn quá so với thân hình nhỏ bé và sự đơn độc của gã. Bên ngoài ngôi nhà không lấy gì làm sáng sủa, nhưng bên trong thật là hoàn hảo. Vách hãy còn thơm mùi sơn.

Thảm đã được giặt giũ sạch sẽ và ủi thẳng. Giường ngủ được thay bằng những tấm *drap* mới. Ở phòng khách kê một bộ sa-lông bọc nhung đỏ và một chiếc đưởng cầm, tất cả đều đã ngã màu. Tay chân gã tỵ nạn nhủ ngứa ngáy. Kể từ lâu rồi, ý chừng mười năm hơn, gã không có dịp tận hưởng cái thú dạo đờn đưởng cầm. Bàn tay đã chai, các ngón tay đã cứng nhắc vì những ngày gian khổ của đời quân ngũ. Nay đã thật sự xa rời quân đội, những nguồn cảm hứng không còn đến với gã nữa. Gã cố moi trí nhớ nhưng không tài nào nhớ được một tấu khúc nào đã chơi trước đây.

Gã bày thức ăn ra dĩa rồi ngồi vào ăn. Mùi cơm chiên thơm lừng nhưng khi đưa vào miệng thì gã lại lưỡi nuốt. Có lẽ sự đơn độc đã làm cho gã biếng ăn. Gã ăn qua loa rồi lên giường nằm. Căn phòng không lấy gì rộng nhưng khi gã quan sát kỹ thì thấy nó rộng gấp ba lần kích thước nguyên thủy; và căn phòng thì chao động nhịp nhàng, gã có cảm tưởng như đang nằm trong chân không và bị rút lên cao từ từ.

Tiếng chuông cửa reo vang đánh thức gã và làm gián đoạn giấc mơ kinh hoàng. Gã không muốn hồi tưởng lại giấc mơ đó vì nó mang cho gã những bất trắc hơn là may mắn.

Gã mở cửa đón người tài xế vào bên trong nhà. Gã thay quần áo rồi cùng đi với người tài xế đến nhà vị mục sư già.

Bước vào phòng khách, gã tỵ nạn lấy làm thích thú khi thấy trên vách có treo bức tranh thủy mạc, diễn tả thái độ thư nhàn của Khưởng-tử-Nha ngồi câu cá bên bờ sông Vị. Quang cảnh thật là u tịch như hòa cùng tâm trạng của người đang chờ thời, lấy việc câu cá làm thú tiêu khiển. Trên chiếc bàn nhỏ bày một bộ cờ tướng bằng mộc, chữ nổi, sơn màu xanh đỏ đang bày ra hai

nước. Bên cạnh bàn cờ là một bình thuốc lào với cần trúc uốn cong. Nằm cạnh bình thuốc lào là một bình trà bằng sứ in ba ông tiên ngồi uống trà và đánh cờ; và một bộ tách cũng bằng sứ in hình rồng bay lượn trên mây. Tất cả các vật này dường như để bày biện cho đẹp mắt hơn là để dùng. Gã tỵ nạn chỉ quan sát chứ không dám mó tay vào. Vị mục sư già dẫn gã xuống *basement* xem "thư viện bỏ túi" của ngài. Tất cả các sách đều được phân chia theo từng bộ môn như : khoa học, văn chương, chính trị, tôn giáo, giáo dục, v.v...; mỗi bộ môn được ngăn ra theo từng quốc gia. Ngoài sách bằng tiếng Anh ra, còn có sách bằng tiếng Pháp, Đức, Trung Hoa, Nhựt Bản và Việt Nam. Gã tỵ nạn nghĩ : "ông này cũng là một cây sưu tầm sách đây !"

Vị mục sư hỏi gã tỵ nạn :

– Anh có thấy tủ sách gia đình nào có những quyển sách xuất bản trên một thế kỷ chưa ?

Gã tỵ nạn lắc đầu :

-- Nếu so sánh ở đây thì tôi chưa được biết. Tôi nghĩ rằng rất ít có người có những quyển sách lâu đời và giá trị như tủ sách của ngài.

Vị mục sư ra chiều hãnh diện :

-- Gia tộc tôi, ai nấy đều quý sách và thích sưu tầm sách. Đây là gia tài do ông nội tôi và cha tôi để lại. Ông nội tôi là thầy giáo và mục sư. Cha tôi nối nghiệp ông nội tôi, và tôi nối nghiệp cha tôi..Nhưng đến đời tôi thì không còn ai để nối nghiệp nữa vì tôi là con trai duy nhứt mà không có vợ; còn chị tôi là "nữ nhi ngoại tộc" nên không được kể vào gia phả. Tôi sẽ giao tủ sách này cho bất cứ ai có tâm hồn yêu sách như tôi, với lời di chúc "Bạn hãy yêu tủ sách này như chính thân thể của bạn". Gã tỵ nạn chặc lưỡi :

– Tôi cũng tiếc cho tủ sách ở bên nhà, có lẽ đã bị

Cộng sản tịch thu và thiêu hủy hết rồi ! Đó cũng là gia tài do cha tôi để lại. Sau này không dễ gì tìm thấy các sách bằng tiếng Hán đời nhà Lê, các sách bằng chữ Nôm, và những bộ sử viết bằng tiếng Pháp đã tuyệt bản !

Vị mục sư già ngạc nhiên :

– Anh cũng thuộc giòng dõi nhà Nho ?

Gã tỵ nạn gật đầu :

– Cha tôi làm quan dưới triều đình Nguyễn, vì dính líu đến chính trị nên bị Pháp bắt đi đày. Khi ông Ngô đình Diệm về nước làm Thủ tướng, nghĩ tình đồng liêu bèn ra lịnh ân xá cho ba tôi. Sau đó, ông Diệm có mời ba tôi tham chính nhưng ba tôi từ chối. Tôi nối nghiệp cha tôi nhưng làm nghề gõ đầu trẻ. Nghề "bán cháo phổi" tuy không khá về mặt tài chánh nhưng được cái tự do và còn giữ được tư cách của kẻ sĩ. Tôi dạy học được một thời gian ngắn thì bị động viên. Nếu con ông Diệm thì chưa chắc tôi có mặt ở đây ngày hôm nay !

Người đầu bếp đi xuống làm gián đoạn câu chuyện giữa hai người, một già một trẻ. Hắn mời vị mục sư già và gã tỵ nạn lên phòng ăn vì thực khách đã tới đông đủ.

Gã tỵ nạn bắt tay chào từng thực khách trong hội đồng bảo trợ mà gã đã gặp hồi sáng nay. Gã được sắp ngồi cạnh vị mục sư và bà vợ của ông phụ tá, người mà lúc trưa đã mang *chop suey* đến cho gã. Gã tỵ nạn thấy không còn lạc lõng như trước đây, vì ít ra cũng có vị mục sư già thông cảm tâm trạng và hoàn cảnh của gã.

Trong bàn ăn, thực khách trao đổi nhau các mẩu chuyện về thời tiết, thể thao mùa Đông và sự mất giá của đồng đô-la. Khi được hỏi, gã tỵ nạn chỉ ậm ừ qua loa vì thật ra gã cũng chưa nắm vững được vấn đề. Vị mục sư già thỉnh thoảng kể những mẩu chuyện vui, dí dỏm. Bữa cơm kéo dài đến chín giờ tối mới chấm dứt. Đợi cho thực khách ra về hết, vị mục sư già mới lái xe đưa gã tỵ nạn lên đồi, trả gã lại cho "ngôi nhà gió".

Mười giờ sáng hôm sau, vị mục sư già lái xe lên đồi thăm gã tỵ nạn. Gã kể cho vị mục sư già nghe giấc mơ của gã trong đêm vừa qua tại "ngôi nhà gió". Gã thấy một ông lão to lớn, râu cằm dài đến ngực, mặc áo chùng thâm, tay trái cầm quyển Thánh kinh, tay phải cầm cây gậy trúc. Ông lão nhướng mày hỏi gã : "Ai cho phép anh đến ở nhà này ?". Gã tỵ nạn quan sát kỹ ông lão thấy không có gì hung dữ nhưng gã vẫn sợ và nói rằng "Pát-tơ-long" (lúc đó gã quên mất tên của vị mục sư già) cho phép và mang gã đến đây. Ông lão cười, nói : "Ngoài tôi ra, không ai được quyền ở trong ngôi nhà này. Nhưng nghĩ đến hoàn cảnh tỵ nạn của anh, tôi không nỡ tống cổ anh đi. Anh nói lại với mục sư Long rằng kể từ nay không được tự tiện làm gì thì làm". Nói xong, ông lão bước ra cửa và biến mất.

Gã tỵ nạn thức dậy, bật đèn chong sáng ngôi nhà, và từ đó gã không tài nào ngủ lại được. Gã nhìn đồng hồ, mới có ba giờ sáng. Gã đi tìm sách để đọc cho qua thời giờ thì gặp quyển Thanh kinh. Nhờ đọc Thánh kinh mà gã bớt đi nỗi sợ hãi.

Vị mục sư già vỗ vai gã tỵ nạn :

-- Người Mỹ chắc chắn không tin những gì anh vừa kể, nhưng đối với tôi thì tôi tin. Ông lão đó chính là cha tôi, ngài đã quá vãng cách nay gần hai mươi năm. Quyển Thánh kinh mà ông lão cầm trên tay chính là quyển Thánh kinh ma anh đã tìm thấy trên kệ sách. Còn cây gậy trúc thì nhà tôi không có, nhưng có thể đó là cái cần của bình thuốc lào. Ông lão đã cho phép thì anh cứ việc ở đây, và ông sẽ không trở lại quấy rầy anh nữa đâu.

Mặc dù vị mục sư già trấn an, gã tỵ nạn cũng còn cảm thấy ớn lạnh nổi xuống sống. Đây là lần đầu tiên gã tỵ nạn nằm mơ thấy người chết hiện về. Gã không tin, nhưng điều đó có thật và đã làm cho gã mất ngủ ngay trong đêm đầu tiên đặt chân đến "ngôi nhà gió" này.

Vị mục sư già nói tiếp :

– Ngôi nhà này do ông nội tôi xây sau ngày đặt chân đến thị trấn này. Sau khi ông nội tôi mất, cha tôi tiếp nhận và ở cho đến ngày ông qua đời. Nhưng khi cha tôi qua đời thì tôi không thừa hưởng ngôi nhà này vì tôi không chịu đựng được tiếng gió hú. Do đó giáo hội phải xây ngôi nhà đuổi chàn đồi, và ngôi nhà này bỏ trống. Hôm nay thì anh có quyền làm chủ ngôi nhà này. Tôi sẽ lo thủ tục chuyện nhường quyền sở hữu cho anh.

Gã tỵ nạn xua tay :

– Xin ngài đừng làm như vậy. Tôi có nhiều lý do để từ chối lòng tốt của ngài. Thứ nhứt, tôi không xứng đáng là người thừa kế căn nhà này. Thứ hai, không chắc tôi sẽ ở lại đây lâu. Vậy xin ngài xem tôi như người ở đậu hoặc là người giữ ngôi nhà này là đủ rồi.

Vị mục sư già cười nhạt :

– Tôi đã chọn đúng người thừa kế mà từ lâu tôi tìm không ra, vậy anh không có lý do gì từ chối lòng tốt của tôi. Anh làm chủ ngôi nhà này không có nghĩa là anh phải chịu trách nhiệm về mọi phí khoản sửa chữa cũng các khoản chi dùng cho điện, nước, ga... Việc đó có Nhà Thờ lo, và tôi là người đứng chịu trách nhiệm. Anh chỉ có mỗi việc phải làm là ở lại đây và làm chủ ngôi nhà này.

Lời nói nửa đùa nửa thật của vị mục sư già làm gã tỵ nạn cảm thấy ngày ngây lo sợ. Không biết ngài có dụng ý gì đây ? Chấp nhận lời đề nghị của vị mục sư già thì gã không dám; bằng từ chối thì cũng không được. Vì ngay lúc này, sinh mạng của gã đang nằm trong tay của vị mục sư già mất rồi. Gã không khác nào con cá đang nằm trên thớt.

Vị mục sư già nói tiếp :

– Cũng kể từ hôm nay, anh là chủ nhân của "thư

viện tí hon". Chiều nay, tôi sẽ cho người đi chuyển tủ sách lên đây và tùy ý anh sắp xếp sao cho tiện và đẹp mắt. Còn rất nhiều kệ trống ở dưới *basement*. Từ ngày tôi dọn xuống ngôi nhà dưới đồi, tôi chỉ đem theo những quyển sách của riêng tôi; do đó có lần ba tôi hiền về khiển trách tôi. Nay có anh, thật là dịp may ngàn vàng. Tôi không còn sống thêm bao lâu nữa ! Nếu không có anh, tôi không biết phải chọn ai làm người thừa kế vì bọn trẻ bây giờ không có được những đức tính mà tôi hằng mong mỏi. Chúng nó có học cao đến tiến sĩ đi nữa thì cũng không bằng bọn già như chúng tôi. Bọn trẻ tri thức bây giờ thích đọc những sách nói về tình dục, chuyện không gian, chuyện thám hiểm đáy biển, v.v... hơn là đọc những sách đứng đắn như luân lý, tâm lý và đạo đức !

Nói xong, vị mục sư già tử giã ra về, không để cho gã ty nạn kịp phản trần.

Buổi chiều, đúng như lời vị mục sư già đã nói, hai chiếc xe *pick-up* chở đầy sách lên "ngôi nhà gió". Bọn thanh niên khuân các thùng sách xuống *basement* giao cho gã ty nạn. Suốt buổi chiều, gã ty nạn loay hoay bên những quyển sách gáy dày, bìa cứng. Gã làm việc bất kể giờ giấc.

Gã ty nạn sắp quyển sách cuối cùng vào kệ thì vị mục sư già tới. Ngài vỗ vai gã ty nạn :

-- Trong anh làm việc, tôi thấy mát mắt và hả dạ ! Thật không bõ công tôi chút nào ! Mời anh đến nhà tôi dùng cơm tối và chúng ta sẽ đàm đạo đôi chút về cuộc đời. Hôm nay chỉ có mình anh và tôi, chúng ta tha hồ mà tâm sự.

Vị mục sư già đợi cho gã ty nạn tắm rửa vàthay quần áo xong mới cùng gã ra xe. Ông đề nghị :

-- Trước khi vào bãn ăn, chúng ta đánh một vòng thành phố nhé ! Từ tháng này trở đi, các hoạt động thương mãi đang hồi sinh. Nào là lễ Thanksgiving, lễ Christmas, New Year. Mặc dù tiết trời lạnh lẽo, thiên hạ cũng chịu khó ra đường để đi sắm sửa.

Gã tỵ nạn chỉ gật đầu đáp lễ vị mục sư giả. Đôi mắt gã không rời quan sát cảnh vật hai bên đường. Các cửa hãng đã quảng cáo đồ dùng mùa Đông, các tặng phẩm trong mùa Giáng sinh, chưa hết tháng mười một mà thiên hạ đã chuẩn bị lễ Giáng sinh rồi. Đây là mùa Giáng sinh đầu tiên trên đất Mỹ của gã tỵ nạn; nhưng gã không có cái cảm giác náo nức như thời còn ở bên nhà. Lễ Giáng sinh ở Việt nam là lễ đứng hàng thứ nhì sau Tết. Cái đặc điểm của lễ Giáng sinh là nhằm vào mùa lạnh, nhưng cái lạnh ở Việt nam là cái lạnh mát mẻ, để chịu, đầm ấm, thân mật. Do đó, phải nói Giáng sinh ở Việt nam là mùa tuyệt vời, là mùa của mỗi lứa tuổi, là mùa làm nảy nở những bông hoa vừa mới xòe cánh búp phô trưởng hương sắc.

-- Anh nghĩ thế nào về thành phố này ? Vị mục sư giả lên tiếng làm cắt đứt giòng tư tưởng của gã tỵ nạn. Nó không tệ lắm chứ ?

-- Vâng. Gã đáp. Tôi thấy nó không tệ lắm, nhưng có vẻ hơi già hơn các thành phố khác.

-- Ở, thì đĩ nhiên nó phải già theo thời gian chứ. Tuổi nó xấp xỉ một thế kỷ rồi đó.

Vị mục sư giả có vẻ hãnh diện về thành phố cổ kính này. Sự hãnh diện đo đó một phần vì tổ tiên đã ra công bồi đắp, một phần khác vì cái tính bảo thủ cố hữu của giòng họ ngài.

Giáp một vòng thành phố trên những con đường chính, gã tỵ nạn thấy không có gì hấp dẫn và lôi cuốn niềm phấn khởi của người từ phương xa tới.

Trên đường về nhà, xe chạy ngang qua ngôi trường

Đại học của thị trấn. Trường Đại học mang tên của vị sáng lập ra nó.

Vị mục sư giả giải thích :

– Bác sĩ Rosenberg là bạn thân của ông nội tôi. Ngài là Thị trưởng đầu tiên của thị trấn này và cũng là người có công đầu trong việc khai hóa nền giáo dục đại học trong vùng này. Vị hiệu trưởng đương thời là cháu đích tôn của Bác sĩ Rosenberg, và là bạn chí thân của tôi. Tôi đã điện thoại cho ông ấy biết sơ qua về anh và ông hứa giành cho anh một chỗ làm tại thư viện của nhà trường. Anh có thể bắt đầu bất cứ ngày nào anh muốn.

Gã tỵ nạn như vớ được cái phao trong lúc sắp chết đuối :

– Tôi vô cùng cảm động khi được ngài chăm sóc chu đáo. Việc làm là điều mong mỏi của tôi khi đặt chân tới đây. Tôi không muốn làm phiền hội đồng bảo trợ và quí vị hảo tâm. Tôi muốn được tự túc sớm để tránh bớt thời giờ nhàn rỗi vô ích.

Vị mục sư giả ngắt lời :

– Anh không nên e ngại. Chúng tôi có thừa sức bảo trợ anh thêm vài tháng nữa, nhưng tôi muốn anh có việc làm là để anh giao tiếp với những người chung quanh cho đỡ cô đơn, thế thôi ! Ngày mai, anh sẽ đi thi lấy bằng lái xe. Chúng tôi sẽ tặng anh chiếc xe Pontiac đời 1963 hãy còn tốt để làm phương tiện di chuyển.

Vị mục sư giả với tay mở ngăn nắp hộp đựng giấy tờ chủ quyền, lấy ra một quyển sách nhỏ trao cho gã tỵ nạn. Ngài nói :

– Anh cầm quyển sách này về nhà đọc qua, sáng mai sẽ có người mang xe tới đón anh đi thi lấy bằng lái xe.

Xe về đến nhà vị mục sư giả lúc nào gã tỵ nạn không hay. Vị mục sư vỗ vai gã tỵ nạn, thân mật :

– Tôi chúc anh thành công. Thôi chúng ta vào nhà dùng cơm chứ !

Gã tỵ nạn lấy làm ngạc nhiên khi thấy thức ăn bày biện trên bàn toàn thức ăn Tàu. Vị mục sư đoán biết sự ngạc nhiên của gã tỵ nạn, Ngài nói :

– Hôm nay tôi mời anh thưởng thức các món ăn Trung hoa do đầu bếp Thượng hải nấu. Đầu bếp là chủ nhân Thượng Hải Dại-tửu-lầu đấy. Chính lão ta nấu các thức ăn này. Anh uống được rượu Ngũ-gia-bì chứ ?

– Vâng. Trước đây tôi đã có dùng qua.

Vị mục sư giả nheo mắt :

– Tôi đoán biết mấy ông nhà binh thế nào cũng uống được rượu mạnh mà.

Gã tỵ nạn cười :

– Vâng. Nhưng cũng tùy người, thưa ngài. Hồi còn đi dạy học, tôi uống không hết một chai bia; nhưng sau khi vào lính một thời gian, không hiểu sao tửu lượng của tôi bỗng nhảy vọt. Có lẽ hoàn cảnh đã tạo cho con người có thêm những thích nghi mới chăng ?

– Tôi nghĩ là như vậy. Vị mục sư gật gù. Chiến tranh đã tôi luyện cho người lính già dặn hơn trong lãnh vực tình cảm và quan niệm về cuộc đời. Sau ngày trở về từ chiến dịch Overlord (Normandy 1944), tôi không còn cái cảm tưởng hăng hái xây dựng một cuộc đời tốt đẹp về vật chất nữa. Và cũng vì chiến dịch Overlord đó mà tôi bị mất vĩnh viễn cô bạn gái yêu quí nhất đời tôi.

– Bà ấy sang ngang ? Gã tỵ nạn thắc mắc.

– Anh hiểu sao cũng được !

– Có phải chính vì lẽ đó mà Ngài chấp nhận một cuộc sống cô độc ?

Vị mục sư giả cười bí mật :

– Đó chỉ là một lý do trong các lý do khác. Lý do chính mà tôi chưa bao giờ tiết lộ cùng ai, ngay cả nàng, là tôi bị bất lực vĩnh viễn. Tôi biết không còn hy vọng

đem lại hạnh phúc cho nàng nên tôi đã tự chấm dứt sợi dây liên lạc với nàng, và có lẽ nàng có người yêu mới.

Ngừng một lát, vị mục sư già chậm rãi nói :

– Chiến tranh đã cướp mất những gì yêu quí nhất của đời người ! Không ai dại gì hy sinh cái hạnh phúc của mình, nhưng mỗi người có số mệnh, làm sao tránh khỏi được, anh nhỉ ?

Gã tỵ nạn xúc động trước nỗi bất hạnh của vị Mục sư già :

– Vâng. Không ai dại gì hy sinh cuộc đời mình mà không nhằm mục đích nào ! Lòng ái quốc, sự bình an của nhân loại, sự tự do của thế giới v.v... đó là những chiêu bài nhằm thu hút sự hy sinh của tầng lớp thanh niên. Bên cạnh những thứ đó, mãi lực của đồng đô-la cũng có sức mạnh vô biên.

Vị mục sư già trố mắt :

– Anh nói gì tôi không hiểu ? Sự thu hút của đồng mỹ-kim ư ? Đó thuộc về lãnh vực kinh tế, kỹ nghệ, thương mãi... có ăn nhằm gì đến tình yêu đâu !

Gã tỵ nạn phì cười trước sự ngây thơ vô tội vạ của vị mục sư già. Gã nói :

– Cái thời vàng son của Ngài đã lùi xa rồi, nhường chỗ cho những sa đọa, trụy lạc của giới trẻ. Ngài không thấy thiên hạ đua nhau coi phim X, khiêu vũ khỏa thân sao ? Tình dục ngày xưa chỉ xảy ra ở chốn phòng the, những ngày nay nó xảy ra tại nơi công cộng, trước những cặp mắt mở thao láo, hấu hức. Những sự khích động tình dục kiểu đó đưa tới việc ly dị, ly thân, ngoại tình một cách dễ dàng. Đó là hậu quả của mãi lực đồng đô-la đấy. Ảnh hưởng đó lan rộng đến các nước nhược tiểu Á, Phi; mà hậu quả tai hại nhất đã xảy ra tại Việt nam.

– Anh nói đến sự sụp đổ của Miền Nam Việt Nam ?

Gã tỵ nạn uống cạn ly rượu, nói :

– Đó chỉ là nguyên nhân gần. Nguyên nhân xa là sự băng hoại tinh thần của người miền Nam Việt nam nói chung; của giới lãnh đạo, trí thức, quân sự, chính trị nói riêng. Từ sự băng hoại tinh thần đi đến sự tan rã hàng ngũ không bao xa. Thượng bất chính, hạ tất loạn. Nếu Tổng thống Johnson lúc bấy giờ hiểu rõ được mãi lực đồng đô-la như thế nào thì tôi tin rằng tình thế miền nam Việt nam đã đổi khác.

Vị mục sư già rót thêm rượu vào ly của gã tỵ nạn :

-- Xin anh cho một thí dụ cụ thể ?

-- Theo tôi thì đồng đô-la đi ra hai ngả : ngả chính quyền miền nam Việt nam và ngả GI. Ngả chính quyền tức tiền viện trợ quân sự. Ngả GI tức là tiền lương. Một phần ba trên tổng số tiền do Chính phủ Hoa kỳ viện trợ cho chính quyền miền nam Việt nam đã đi ra ngả sau để vào túi các cấp lãnh đạo. Đồng tiền vào túi càng nhiều thì lòng tham càng lớn mạnh. Một người làm được thì mười người khác bắt chước theo. Thế là tham nhũng rập khuôn theo lối dây chuyền. Từ đó, lòng chính trực và ái quốc thua buồn đội nón ra đi. Về phía GI, một anh binh nhì lúc đó mỗi tháng khoảng ba trăm đồn, nếu đổi sang tiền Việt nam theo thời giá lúc bấy giờ thì bằng tiền lương độc thân của một vị đại tá Quân lực Việt nam Cộng hòa, và bằng mười bốn lần hơn tiền lương của người lính Việt nam Cộng hòa. Thế là anh GI xài tiền vung vít, muốn gì được nấy. Tục ngữ Việt nam có câu "Có tiền mua tiền cũng được". Thật vậy, người bạn "đồng minh" của chúng tôi đã mua được trái tim của một thiếu phụ vốn giòng giối gia giáo và thuộc giới trí thức. Thiếu phụ ấy hiện có mặt tại Hoa kỳ.

-- Anh có quen thân với thiếu phụ đó không ?

Gã tỵ nạn hạ thấp giọng :

-- Hắn là người đàn bà ấy có liên hệ với tôi nên tôi mới biết rõ. Nàng đã nhờ Hồng-thập-tự Hoa kỳ tìm tôi nhưng tôi từ chối không gặp nàng. Có lẽ nàng muốn biết tin tức về đứa con của tôi.

Vị mục sư già ngập ngừng :

-- Như thế bà ấy là vợ của anh ?

-- Phải. Bà ấy là vợ của tôi cách đây gần mười năm. Bây giờ nàng là phu nhân của một vị đại tá Hoa kỳ. Đứa con mà tôi vừa nhắc đến chính là đứa con chúng của tôi và nàng.

Vị mục sư già thở dài :

-- Anh có chuyện buồn mà tôi không biết. Tôi xin lỗi và chia buồn cùng anh.

-- Trên đời không ai tránh khỏi cảnh đau buồn, Ngài ạ ! Chỉ có buồn ít hoặc buồn nhiều mà thôi. Chuyện tôi vừa kể, chỉ là một trong các chuyện buồn của tôi. Tôi muốn không bao giờ nhắc đến tên nàng nữa, nhưng hôm nay Ngài đã khơi dậy trong tôi một vết thương nên tôi phải kể cho Ngài nghe. Trước đây, để tìm quên, tôi đã đổn hết nỗ lực vào quân vụ, thỉnh thoảng về thăm mẹ già và đứa con trai duy nhứt. Bây giờ tôi ân hận có một điều là không đem được người mẹ và đứa con ra khỏi ngục tù cộng sản ! Lúc tôi ở trại Indiantown Gap, nàng có viết thư và điện thoại cho tôi nhưng tôi không tiếp chuyện nàng cũng như không đọc thư nàng. Tôi biết nàng hãy còn thương đứa bé, nhưng tình thương đó đã muộn mất rồi. Bản tính của tôi rất kỳ khôi, khi muốn quên điều gì thì quên hẳn, và khi tôi muốn tha thứ lỗi lầm cho ai thì tôi sẵn sàng quên ngay.

-- Anh có được đức tính đó cũng hay. Đàn ông phải có gan dạ và tự tưởng dứt khoát.

Gã tỵ nạn nhìn đồng hồ thấy gần nửa đêm bèn đứng dậy xin phép ra về. Vị mục sư già lấy xe đưa gã lên đồi.

Trước khi xuống đồi, vị mục sư già nói với gã tỵ nạn:

– Thời gian trôi qua nhanh quá ! Gần hết nửa đêm rồi mà câu chuyện của chúng ta vẫn chưa chấm dứt. Hẹn anh một ngày khác vậy. Chúc anh ngủ ngon giấc nhé !

Gã tỵ nạn nói cảm ơn rồi lui gót vào trong nhà. Vừa thay quần áo xong, cơn buồn ngủ kéo đến và vật ngã gã trên chiếc giường nệm êm ái.

St. Louis, 13-01-78

VĨNH-LIÊM

(trích tuyển tập "Gã Tỵ Nạn")

O

ẢO ẢNH

Nhìn ta trong gương vỡ
Thấy ta muôn vạn hình
Ôi đời ta thế đó
Ngọn khói đùa vô minh
Trăm năm cũng còn đành
Hướng hồ ngày tháng cũ.

NG. Đ. L.
Chicago, tháng 2,79.

KHÓC MỘT
NGƯỜI ĐIÊN

Nhớ Ngu I
X. H.

Ô hô ! Đất thẳm trời cao
Sâu trong lòng biển nơi nào của anh ?
Từ đây gió bụi kinh thành
Sóng thời gian xóa bóng hình người Điên
Anh tìm được giấc bình yên
Cười to , trút cái ưu phiền thế nhân
Đắng cay trả lại cõi trần
Thành thơ ít hành lý mấy vần thơ ngang
Dược tin tôi chẳng bàng hoàng :
Coi anh biệt xóm xa làng từ lâu
Anh tồn tại bởi nhiệm mầu
Cái Điên cái Loạn cúi đầu chịu anh !
Tình , Mê, cấu tạo nên hình
Nét huyền diệu, nỗi bất bình ghép tên .

Mình từ sơ kiến, rồi quen
Thân nhau giữa đám họa hèn, cỏ hôi
Nhớ anh vồn vã tiếng cười
Mỉa mai, hằn học con người lúc điên
Mười năm chung một ánh đèn
Mười năm mạn lái khoang thuyền có nhau
Trang in cúi xuống hai đầu
Anh thêm vài đoạn, tôi câu có nhiễn (1)

Mười năm 'bản thảo buốt tim'
Chữ không 'đoán' được của tên...dị kỳ
Trách anh, anh chỉ cười khì
Lỗi in, báo muộn, chỉ vì 'Ngu râu' (2)

Ngồi trong khói thuốc dâng sầu
Những hình ảnh cũ xa đâu hiện về
Lời từ rởi xóm xa quê (3)
Cánh chim mỏi biếng quay về tổ xưa
Sợ bát chữ, sợ lời thơ
Tuổi hoa niên thoắt bất ngờ trôi nhanh
Chợt nhìn thấy 'báo' mà kinh
Giập trang in bỗng giật mình xót xa
Đôi phen cũng ghé thăm nhà :
Khi cửa đóng. Lúc Biên hòa. Lại điên !

Ô kìa sóng nước trên miền
Sóng đưa thân thể tới miền trầm luân
Nhìn ra bể bọt cõi trần
Sát-na hồi hợt, hân dâng ngập trời
Tìm đâu giữa lớp biển người
Tỉnh khi điên để cất lời cuồng điên ?
Đâu ngà ngọc, đâu bùn đen ?
Biết đâu cỏ mục, hoa hèn mà xa ?
'Hận trời hận đất bao la
Bốn phương khói lửa lòng ta giận phừng'(4)
Mái trời bốn vách chập chừng

Trở trêu cơm áo, hãi hùng giấc khuya.
Mừng cho anh đã thoát về
Cỏ hoa TRONG SẠCH, bến mê THẬT THÀ
Chợ đời còn lại 'những ta'
Nó i n ăng lành mạnh, hát ca ngọt ngào

Nhìn trời muôn vạn ánh sao
Vài ngôi chợt tắt, ngôi nào là anh ?

XUÂN HIẾN

Tacoma 30–3–1979

---

(1) Xuân Hiến và Ngu Í cũng là biên tập viên kỳ cựu của tạp chí Bách khoa hồi ở Sài gòn.
(2) Một biệt hiệu mà Ngu Í không ký nhưng rất thích.
(3) Quê hương Bách khoa, mà Xuân Hiến đã xa rời từ 1968.
(4) Thơ Ngu Í.

o

VƯỜN CŨ

tặng Vĩnh Ân

Rời làng tóc dưỡng rễ
Bạn bè chào chật sân
Em gái mười bốn tuổi
Vườn bên đứng tần ngần
Tay tròn vin hoa bắp
Mắt trong thoáng nụ buồn
Nhà xưa từ buổi ấy
Mưa gió biết bao lần

Giày mòn mẹn lối cũ
Bước nhẹ vướng cây cằn
Hải đường thần lở dạn
Oanh trảo góc trời bom
Tường mốc mang sẹo pháo
Thềm rêu nẻ hằn mìn
Cỏ xanh dậu bên trải
Rêu xám hiên ngoài lan
Tre bờ xa loáng thoáng
Cò trắng vút mấy ngàn
Xóm giềng chừ lạ hoắc
May còn hoa bắp thân
Cuối ấm chiều xuân lạnh
Mưa gió biết bao lần

Em gái mười bốn tuổi
Ở thôi đã sang ngang
Thằng bạn thời để chọm
Gãy cánh ngoài Ba Đồn
Buồn trong xa loáng thoáng
Cò trắng vút mấy ngàn
Hăm mấy năm lận đận
Mộng lớn theo mộng con
Trắng tay về cố quận
Rưng rưng niềm cô đơn.

TRÚC CHI
2 – 1975

G.

VÕ ĐÌNH

G. đến trong đời tôi, một cách hết sức bất ngờ, vào ngày cuối tháng mười dương lịch, Halloween Day. Tôi nhớ đúng ngày đó mặc dầu nhiều năm đã trôi qua: trong ký ức tôi hình ảnh của G. cung la hình ảnh cua vàng kim, vàng kim của lá thu và bí ngô.

Hôm đó khí trời ấm áp, gió thổi hây hây, lá vàng rụng trải đầy vườn. Nhưng khi chiều về, se se lạnh, sương mù lan xuống tụ trên núi, trong sương đã nghe có ít nhiều cái rét mướt của những vũng băng tuyết xa xôi. Tôi vừa đặt bút xuống bàn, bỗng nghe tiếng gọi rộn rã dưới nhà. Tôi vụt chạy xuống gác, vào phòng khách; vợ tôi, và hai đứa con chúng tôi, đang nép mình vào cánh cửa lớn trông ra ngoài hiên. Trước đó có mấy giây đồng hồ ba mẹ con kêu gọi ầm ĩ, bây giờ lại ngồi bất động như bị thôi miên, như sợ rằng chỉ một cử động, một hơi thở mạnh, cũng đủ làm cho hình ảnh mình đang chiếm ngưỡng tan biến đi mất.

Tôi lại gần vợ con. Yên, đứa gái lớn năm đó đã mười sáu, quay lại tôi, mắt long lanh, một ngón tay để ngang môi. Hiểu ý, tôi nhìn ra bên ngoài cửa kính. Và lập tức

tôi nín thở : trên nền hiên xi-măng, một con chim lớn, thật lớn, đứng im lìm. Con chim đứng nghiêng, và chúng tôi sau cánh cửa kính rộng sửng sờ ngắm cái ngoại hình của nó trong một lúc lâu, thật lâu. Bỗng nhiên nó từ từ quay đầu lại, nhìn về phía chúng tôi, rồi khoan thai bước ra vườn. Chúng tôi không hẹn mà cùng thở phào, nhẹ nhõm : giây phút mê hoặc bỗng chấm dứt. Chúng tôi chen chúc cố nhìn kỹ hơn con chim kỳ lạ đang châm rãi bước ra vườn. "Trời", "Đẹp quá !", "Tuyệt trần !", chúng tôi xuýt xoa ca ngợi. Vợ tôi đưa mắt nhìn tôi, và tôi biết nàng đang nghĩ gì.

Trong đời, năm thì mười họa, ta may mắn được nhìn thấy một cái gì đó đẹp để lạ thường, đẹp và lạ đến một độ, như người ta vẫn thường nói, "không chịu" được. Cái may mắn đó đến với ta, cùng lúc với một cảm giác đau nhói trong tâm can. Vụt đau rồi hết. Nhưng cái đau sắc cạnh ngắn ngủi đó như có tác dụng tống mạnh máu ta trong huyết quản, làm cho chân tay ấm hẳn lên, và tim đập rộn ràng. Cái đau vụt đến vụt đi, nhưng liền sau đó ta có cảm tưởng cả thân xác lẫn tâm thần như mới được tắm gội sạch bong. Và lúc ấy ta mới sực nhận ra. À, cái đau nhói đó thực tình đâu phải là một cái "đau", nó chính là một niềm *vui*, một niềm vui đã đến với ta một cách quá mãnh liệt, quá bất ngờ, nếu không nói là quá sỗ sàng !

Hôm đó, tôi đau nhói như thế khi tôi thấy con chim lạ đứng ngoài hiên, im lìm trong ánh sáng vàng kim lặng đặng sương chiều. Vợ tôi thì thầm : "Gabriel, Thiên thần Gabriel...". "Chính Gabriel," tôi cũng chắc lưỡi đồng ý, "đúng hơn, phải nói là Gabrielle... Chim mái, bà ! Độc-nhãn Gabrielle !"

"Độc-nhãn ? Bố nói gì kỳ vậy !" Tôi chưa kịp phân bua, Ba, cháu trai thứ của chúng tôi, đã quay lại mẹ và chị : "Bố nói phải quá ! Khi nó quay đầu nhìn vào nhà, con thấy nó chỉ có một mắt thôi à ! Mắt kia trông giống hệt cái nút vậy đó, một cái nút bạc !" Thằng bé mới lên tám mà đã tinh mắt lắm, giỏi quan sát lắm.

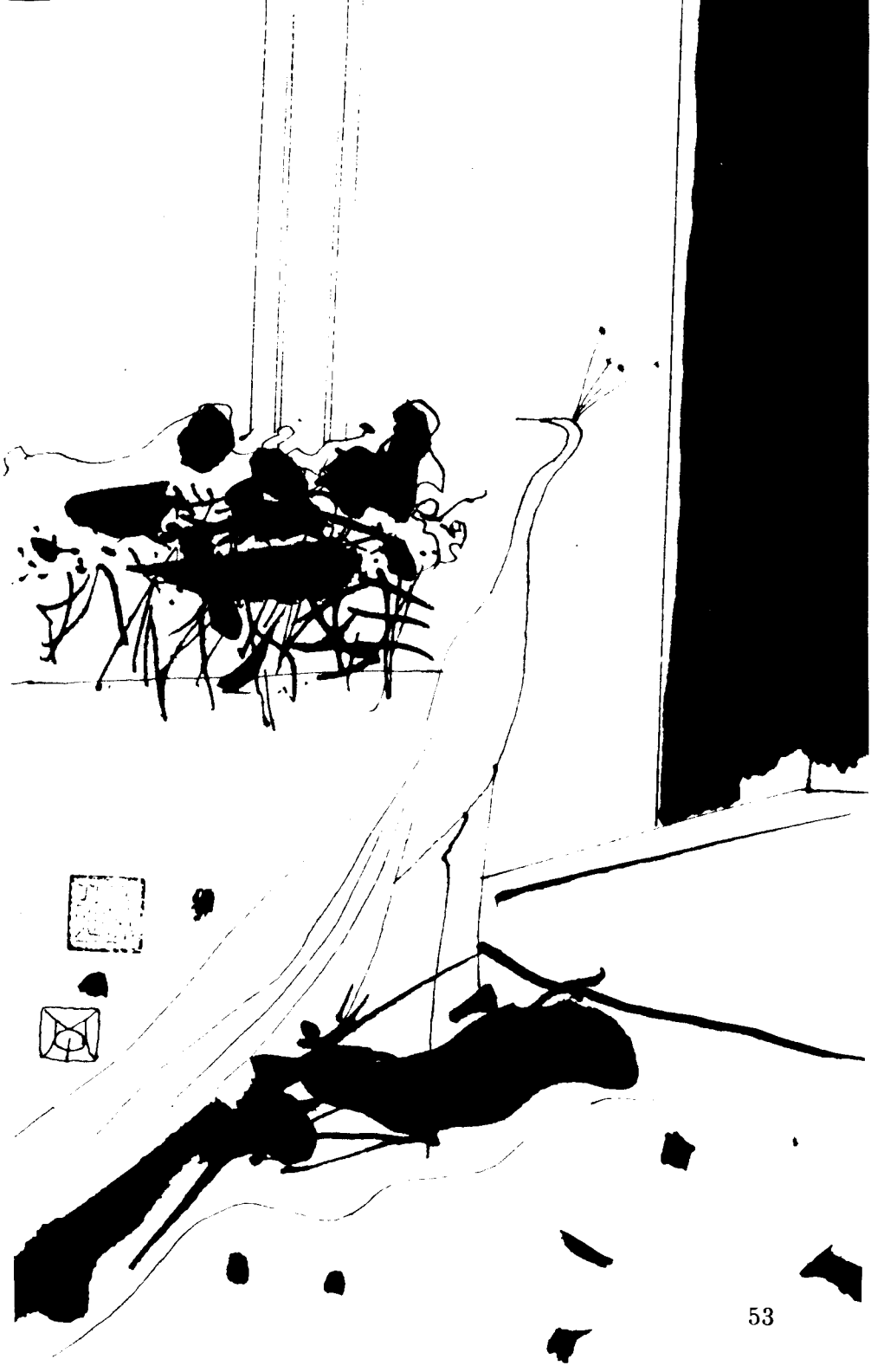

Tôi đâu phải là kẻ chuyên môn gì về chuyện chim chóc, thế mà nhìn Gabrielle, "G.", tôi đã tin chắc đó là một con mái. G. lớn lắm, lớn gần như một con ngỗng cỡ bự, nhưng với một tấm thân thon dài, kiều diễm, một tấm thân nữ lưu. Đường cong vuốt nhẹ từ lưng xuống rồi tuôn ra sau thành chiếc đuôi dài mướt dịu. Những tấm thân con chim kỳ lạ cả đời tôi chưa từng thấy đó tuyệt đẹp ở cái ngực đầy tròn như phần nở của một chiếc độc bình. Chiếc ngực càng dâng lên càng căng lên, càng phồng ra, rồi thong dong eo lại, rồi vút trở nên chiếc cổ thanh tú. Chiếc cổ uốn vào, rồi ưỡn ra, rồi tém lại thành một cái đầu bé tí, với chiếc mỏ dài nhọn. Dăm ba chiếc lông nhỏ, như một vương miện, đứng thẳng tắp trên cái đầu nhỏ xíu ấy -- tôi nghĩ đến những chiếc trâm vàng của mấy bà mệnh phụ trong tranh cổ Tàu. Tôi không kịp thấy mắt -- đúng hơn, người -- G. màu gì, chỉ nhớ con mắt tốt có những đường viền xanh màu đồng rỉ. Con mắt kia, một con mắt mù chăng, thực tình thằng Ba đã tả rất đúng, quả giống hệt một cái nút nhỏ, một cái nút bạc, kín đặc.

Hình thù con chim lạ tuyệt mỹ đến độ làm tôi sửng sờ, mãi một lúc sau tôi nhận thấy là nó có, phải nói là nó *toát* ra, nó *tỏng* lên, hai màu : một màu xám bồ câu lấp loáng ánh hồng đào và bạc rỡng, và màu kia là một màu lục, màu lục của ngọc thạch "tourmaline", với những phản ánh li ti huyết dụ và hỏa hoàng !

Ba kéo tay tôi : "Bố, bố, sao lại Gabrielle ? Ta đặt tên khác được không bố ?" Lúc ấy G. đã đi qua hàng dậu trường xuân bao quanh hiên nhà và đang đứng bất động cạnh cây mận ở góc sân. Nhưng vợ tôi đã kịp đỡ lời cho tôi. Nàng quay lại hai con : "Ấy, bọn mày không biết đấy, chứ ở quê nhà chúng ta, ai cũng tin rằng bỗng nhiên có chim lạ đến hiên thì thế nào sớm muộn cũng có tin mừng... Có người lại cho rằng chim lạ đến nhà có nghĩa là có tri kỷ, có bạn rất thân từ xa bất ngờ đến chơi... Nói gì bên nhà, bên này chẳng lẽ bọn mày không biết chuyện ngày xửa ngày xưa Thiên Thần Gabriel hiện ra báo cho Đức Mẹ Đồng Trinh biết là Người sẽ mang

vật ăn uống. Trong khi bầy gà tới tấp mổ bắp, tôi lẻn vào chuồng lượm trứng. Bỗng nhiên một tiếng : ầm ! Cả cái mái tôn rung chuyển trên đầu. Tôi vụt chạy ra, nhìn lên.

Gabrielle ! G. đã về lại, rực rỡ trong nắng thu. G. đang chậm rãi khép hai chiếc cánh lớn lại sát thân. Hôm trước G. bất ngờ hiện ra trước mắt chứng tôi, trong khu vườn rậm, một chiều tà, đã đem lại cho chúng tôi, đúng hơn, cho chính tôi cái cảm tưởng rằng G. không phải chỉ là một con chim lạ lùng đẹp đẽ, mà chính là một thứ chim thần, một thánh điểu. Nhưng bây giờ, sáng hôm sau đó, trước mắt tôi quả có một con chim vô cùng đẹp, lạ, chính thị là một con chim thực. Toàn thân ông ánh màu xám bồ câu lung linh như xà cừ, còn màu xanh lục thì đúng là màu "tourmaline", một thứ ngọc thạch rất hiếm, rất quí. Và sáng đó, tôi còn thấy thêm một điều nữa : con mắt lành của G. có một màu vàng chìm chìm, tối tối, như loại hoàng kim những đồ nữ trang thượng cổ. Trên mái tôn rỉ rét của cái chuồng gà xiêu vẹo, G. đứng thản nhiên, bất động. Tôi đứng cách con chim lớn không đầy ba thước tây. Bất kể sự gần gũi ấy, bất kể thực tại rõ rệt trước mắt ấy, trong óc tôi vẫn còn giữ nguyên vẹn ngọn lửa cháy lòe trong mắt G. tối hôm trước. G. nhìn tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi, nhìn với con mắt lành màu vàng cổ, bao quanh với những nét viền màu đồng rỉ như mặt xệch những tài tử hát bội. Tôi không cầm được. Tôi mỉm cười, hỏi : "Nàng là ai ?"

Trong sân chuồng bao quanh bởi màn lưới sắt, đàn gà mái gà con mổ bắp, chạy lui chạy lại, chen bên này lấn bên kia, trong khi Lửa và Tuyết, hai con gà trống vĩ đại (một con đỏ, một con trắng !) lăm bộ lăm tịch giữa đám thê nhi của chúng. Tôi nhìn lên mái tôn, gọi : "Này, xin mời nàng xuống xới vài hạt nhé !," và tôi lập tức vãi một đám bắp xuống đất bên ngoài màn lưới. Tôi không ngờ : G. xòe hai cánh lớn, trườn xuống mái chuồng gà. Cái cách ăn uống và đi lại của con chim lạ thực giống nhau. G. vươn chiếc cổ dài ra, một động tác

của Gabrielle...

*
* *

Đêm Halloween ấy, chúng tôi không loay hoay với chuyện tinh ma phù thủy, cắt gọt bí ngô làm đầu quỷ sứ như hằng năm. Mỗi người một cách, ai nấy đang còn xúc bởi cuộc viếng thăm của G. Hai chị em Yên và Ba bàn qua tính lại, không biết G. có sẽ trở lại nữa không, có cách gì hay nhất, nếu G. trở lại, để bắt được nó. Năm đó, Ba còn nhỏ lắm, đối với Ba G. không chỉ là một hình ảnh tuyệt vời: thằng bé muốn bắt G. để "nuôi", để "săn sóc", như Ba đã nuôi biết bao thứ trước kia. Chuột tàu, thỏ, rùa, sóc... Nhưng rồi sau một thời gian ngắn, chú chán, chú không săn sóc nữa, chú "quên" thêm thức ăn, "quên" thay nước trong. Rồi khi mẹ chú hoặc tôi nhắc nhở, chú mới sực nhớ ra và chạy ùa đến mấy đứa bạn tí hon, thấy nước tùm lum...

Ba muốn bắt chim bỏ lồng, trái lại Yên, năm đó lớn hơn Ba đến sáu tuổi, làm bộ người lớn, khăng khăng bảo em ta không nên bắt chim, hay để nó tự do đi lại, v.v. Nhưng bỗng nhiên, giữa bữa cơm tối, Yên đầu hàng, biểu đồng tình. Nó nói: "Bố mẹ thấy không ? Thực tình đâu phải như nhốt một con hoàng anh hay một con vẹt vào lồng ! Con tính nếu ta bắt được G., rồi làm sao dạy cho nó quen mình đi, rồi ta cứ để nó đi lại tự do... Vừa là chim nhà, vừa là chim trời ! Bố mẹ xem, cứ tưởng bà con bạn bè đến chơi, sẽ thấy cái gì ? Gabrielle ! Cao quí làm sao, đẹp đẽ làm sao ! Xám bồ câu nhá, lục ngọc thạch nhá, và hoàng kim nhá, Gabrielle đóng khung bởi khuông cửa lớn bố mới sơn đỏ thực đẹp hôm nào !..." Tôi nhìn vợ, thấy nàng có vẻ đã chịu hình ảnh đó quá rồi. Chính với ngay tôi, hình ảnh đó cũng là hình ảnh khi tôi nhìn thấy con chim lạ lần đầu tiên.

Trong giây khắc đó, vạn vật như thể dừng lại, nín thở. Sắc đẹp của con chim lớn quá kỳ diệu, quá sức

cô cửa G. Con mắt mà mới sáng hôm đó còn nhìn thẳng vào tôi với một cái nhìn vừa xa xôi vừa hiền hòa vừa bao dung. Cái nhìn đó đã làm cho tôi càng thêm khát được biết rõ thêm, được an ủi vỗ về thêm, được nắm chặt trong tay một thứ bảo đảm kiên cố nào đó không có gì làm sứt mẻ được.

Và như thế đấy, tôi đã quyết định bắt giữ con chim lạ. Không để làm một thứ gia súc như Ba muốn làm. Cũng không để làm một thứ đồ trang trí như ý kiến của Yên. Tôi sẽ bắt giữ G. như bắt chộp lấy được một ảo giác biết thở, biết bay, một giấc mơ mà ta còn có thể nhìn thấy được khi đã tỉnh giấc. Chưa gì tôi đã tưởng tượng đến những lúc rỉnh mò bất thần bắt gặp G. Tôi sẽ xúc cảm lần nữa với cái "đau" vụt đến vụt đi, tôi muốn nói đến cái đau ma chính thực là cái vui vô cùng mãnh liệt thình lình được thấy tận mắt, nhìn tận mặt, một người thân ruột, một người bạn thiết, sau bao năm sống ly chết biệt. Chưa gì tôi đã nghĩ đến những chiều tà, khi ánh nắng chỉ còn lại vài nét lê thê, tôi sẽ nhón nhén đến núp sau cánh cửa lớn và chờ đợi G. Và nếu may mắn, tôi sẽ thấy lại được, một lần nữa, trận mưa pháo bông bùng cháy tung lên từ con mắt vắng...

* * *

G. không trở lại, cả tuần lễ đó. Nhưng đến tối thứ bảy, vợ chồng con cái chúng tôi đã dựng xong "biệt thự" cho G. Cả ngày chúng tôi hì hục làm việc : đóng cọc, căng lưới sắt quanh một mảnh lớn của cánh đồng trước nhà. Từ những cọc cây cao hơn, chúng tôi căng lưới lên cả phía trên. Thực tình mà nói, "biệt thự" ấy nếu so với những "chuồng" chim vĩ đại ở Cầm-viên Quốc-gia thì chẳng ra cái gì, nhưng cũng đủ không gian cho một con chim vóc dáng như G. chẳng những đi lại được bên trong mà còn "bay" lên "bay" xuống. Chúng tôi an ủi nhau: chật chội thực, nhưng không đến nỗi

của sứ Sông, cũng không phải là Sứ Giả của Tử Thần. Chỉ có một điều mà thôi G. muốn nói với chúng tôi: tất cả đều an nhiên, phải biết, phải hiểu như thế. G. đã đến, đã hạ xuống, đứng yên, đã khoan thai bước những bước một trong sân nhà chúng tôi. Rồi G. vụt bay đi, và có một ngọn lửa lòe cháy trong mắt vì một tia nắng lạc lối trong chiều tà đã vụng về cuống quít và phải mất G. Và tôi biết, nhìn mấy thanh củi cháy rụi trong lò, ngọn lửa lòe sáng trong mắt G. đó là cái phương cách đặc biệt của G. để tung lên chứng tỏ một trận mưa pháo bông, như trong một cuộc liên hoan.

Tôi đẩy cửa kính lớn sang một bên, bước ra vườn trước. Đêm yên tĩnh, se lạnh. Cây cối im lìm. Sương mù mới ban chiều trăn đầy cánh đồng cỏ nay đã tan biến đâu mất. Bên kia thung lũng đen ngòm, chênh chếch hướng Đông, ánh sáng mờ mịt của tỉnh lỵ nhỏ bé gần nhất. Ngước lên nhìn trời sao lưa thưa, tôi tự hỏi không biết G. đã bay về đâu.

Đêm đó, tôi ngủ không yên, mộng mị lôi thôi. Một lần tôi đánh thót vùng dậy, hình như tôi nghe một tiếng kêu. Nửa nằm nửa ngồi, tôi lắng tai nghe ngóng một lúc thực lâu. Tưởng là tôi đã nghe tiếng kêu đó trong mơ, nhưng tôi cứ chồng tai chờ đợi. Chưa bao giờ trong đời, tôi nghe một tiếng kêu như thế. Tiếng kêu có một âm hưởng kỳ lạ, có tính chất kim khí, một thứ tiếng đồng, tiếng sắt. Nhưng quái thay, tôi lại tin chắc tiếng kêu đó, nếu có thực, chỉ có thể phát ra từ cuống họng của một sinh vật, một động vật, có xương có thịt, có máu nóng.

*
* *

Sáng hôm sau, ngày Các-Thánh -- All-Saints Day --, trời đẹp, tôi còn nhớ kỹ, đẹp quá, một trong những ngày bỗng nhiên giữa cái cảnh thê lương tàn tạ của mùa thu chết, nắng lại vàng rực, trời xanh rờn, không ấm không lạnh, tuyệt quá đến nỗi ta ngẩn ngơ bàng hoàng không dám tin có thực. Trước khi điểm tâm, tôi ra vườn cho súc

ra đời Chú Bé Giê-su hay sao ? ? ... "

Mẹ vừa dứt lời, hai đứa đã chạy ùa ra vườn. Ba kéo tay chị nắn nì: "Đi, chị Yên, ta xua Gabrielle vào trong đồng kia đi chị !" "Đồng" là phần đất trước nhà, trước kia có dại và cây leo mọc tùm lum, cắt dọn mấy cũng không xuể, chúng tôi đành căng rào lưới sắt, rồi thả gia súc vào đấy cho tha hồ đi lại tự do. Nghe Ba nói vậy, tôi vội chạy ra quát : "Thôi, vào nhà ngay bây giờ -- để yên nó !"

Mặt trời đã lặn qua bên kia núi, mà chúng tôi vẫn còn dừng dằng ở hiên nhà, đứng ngắm con chim lạ. G. có một dáng đi tuyệt đẹp, khoan thai một cách yêu kiều mà vô cùng tự nhiên. Thong dong, tự tôn, mà uyển chuyển dịu dàng như một làn khói vấn vương thoảng dần vào không gian. G. cất một chân lên, duỗi ra dài trong một động tác vừa gọn gàng vừa dung dị, rồi đặt chân xuống một cách vững vàng, đúng đắn, không sai một ly đất. Rồi lại cất chân kia lên, duỗi ra dài... Thỉnh thoảng G. lại nghiêng đầu, phía bên này, rồi phía bên kia, chỉ nghiêng một tí thôi, trong một khắc giây, nghiêng đầu như để kiểm điểm, không, như để duyệt qua cả một cõi đồ hai bên mình, như một nữ chúa xuất cung. Điều kỳ lạ, tôi để ý, G. cũng nghiêng đầu về phía bên con mắt mù, như thể hạt nút nhỏ tí, kín mít, hạt nút bạc là một con mắt hoàn toàn lành mạnh.

Gió chiều hây hây đã ngừng thổi. Sương mù trần xuống đầy cánh đồng trước nhà, bây giờ trông không khác gì một khoảng biển trời bất động làm bằng vải thưa trắng. Trong ánh hoàng hôn nhợt nhạt, cây phượng trước sân đen sầm hẳn lại. Bỗng nhiên từ trong bóng tối đó G. vụt bay lên. Từ dưới tán lá tỏa mái nhà của cây phượng cánh con chim lạ bung xòe như một cái dù lớn bất thần mở ra. Tôi thấy, tôi nghĩ rằng tôi thấy được một ánh lửa loè sáng; có lẽ một tia nắng nào đó, lưu lạc trên nẻo kia, bỗng tìm được lối về, hấp tấp phóng lui để hoà mình vào bóng tà huy, và trong lúc vội vã đã va phải con mắt lành

vừa căng thẳng vừa uyển chuyển, rồi đầu cúi xuống, chậm rãi và vững vàng nhưng êm dịu như đôi chân của một vũ công cổ điển.

Tôi đứng xem G. một lúc lâu, nhưng đám hạt bắp vẫn còn gần như nguyên... Thình lình Lửa ở đâu tìm được lối -- chính tôi quên đóng cửa chuồng ! -- chạy ra, sau lưng là Tuyết và vài con gà mái. Lửa nhảy xổ lại, lông cổ phồng ra trông thực hung hản. Nhưng G. đã vượt khỏi tầm cửa của con gà trống không lồ. Lần thứ hai, tôi nghe tiếng kêu kỳ lạ, tiếng kêu tôi đã nghe một lần tối hôm trước mà cứ ngỡ là đã nghe trong mơ. G. kêu một tiếng ngắn, rồi bay vụt lên, cánh xòe rộng như cánh đại bằng, G. bay vượt những cành những lá trong khu rừng thưa, bay cao dần, rồi biến mất.

Chiều hôm ấy, khi vợ tôi, kẻ đi dạy người đi học về nhà, tôi kể chuyện G. đã trở lại. Và tôi cho mọi người biết tôi quyết định tìm cách giữ lại con chim lạ. Cả hai chị em Yến Ba mừng rỡ là G. đã quay về, nhưng càng hân hoan khi biết bố chúng đồng ý bắt nuôi.

Chỉ có vợ tôi là có vẻ thờ ơ với ý kiến đó. Nhưng nàng không nói lên điều gì để phản đối bố con chúng tôi. Có lẽ nàng biết rằng ngoài sự kiện tự nó đã là một phép lạ đáng chiêm ngưỡng, G. đã trở nên, đối với tôi, một thực tại vô cùng đặc biệt, vô cùng quý hóa, một cái gì đó mà chỉ có tôi mới biết được nguồn gốc và giá trị. Cũng có lẽ, tôi rất ngờ, nàng đoán thấy được những ý nghĩ của tôi về G. tối hôm trước khi ngồi một mình trước lò củi cháy tàn. Rất có thể vợ tôi đã biết đến, và chấp nhận, cái tham lam hạm hố của tôi. G. đã đến, đã cho chúng tôi biết là tất cả mọi người thân yêu, mọi việc xa gần, trong cõi đời này hay thế giới bên kia, đều xong xuôi, đâu vào đó, không có gì phải thắc mắc nghi hoặc. Nhưng thế vẫn chưa đủ. Tôi đòi hỏi nhiều hơn. Tôi muốn được thấy một lần nữa, hai lần, một ngàn một vạn lần nữa, ngọn lửa cháy lòe khi tia nắng lạc loài tìm được lối về từ bên kia núi tối và phải con mắt vàng

tưởng tượng, đến cái độ tôi tưởng chăng những không cảm nhận được, mà còn không chịu đựng được. Lá rụng tới tả quanh mình, nhưng G. đứng yên giữa sân xi-măng lông lá không mảy may xaoxuyến; trên đầu G. cái "vương miện" với đám lông mảo nhỏ rí, cuối lông xòa ra thành bông hoa tí ti, mấy cái trâm vàng ấy, chỉ mấy cái ấy thôi, rung rinh khe khẽ như sợi giây đàn ngay sau lúc âm thanh mới bay xa... Trong giây khắc đó, tôi tưởng như tôi đã được một sức mạnh huyền bí nào nắm bổng bay về quá khứ, bay về một thời gian xa xăm nào ở miền Viễn Đông, và lúc đó, tiền thân của tôi, một bậc vương giả, một nhà hàn nho, hay một bác nông dân, tình cờ bước ra sân trước, và thình lình được nhìn lại mặt một người bạn thiết, một người thân ruột, sau những năm dài âm dương cách biệt.

Chiều Halloween năm đó, tôi không nghĩ đến ngay niềm tin truyền thống Đông phương về sự chim lạ đến nhà. Nhưng nhìn thấy G., tôi đã nhận ra G. là một con Kỳ-Điểu, một Người Bạn, một Thiên-Thần. Thiên-Thần đã đến nơi, và đây, G. đứng đó, trong giây khắc đó, như một Phép Lạ, tất cả một sự Hiển Diện tuyệt vời... Ngày hôm sau, tôi còn nhớ, là một ngày trong tuần, các trường mở cửa. Vợ con tôi dùng dằng mãi rồi cũng phải đi ngủ vì đêm đã khá khuya. Tôi ngồi lại một mình ở nhà dưới, với ngọn lửa củi cháy tí tách trong lò.

Tôi ngồi đọc sách một hồi lâu. Nhưng tâm trí tôi cứ phất phơ đâu đâu. Tôi nghĩ đến những người thân yêu ruột thịt, những bạn bè chí thiết ở nơi xa xôi, trong cõi đời này hay ở thế giới bên kia. Tôi loay hoay vớ vẩn mãi với những ý tưởng về tình yêu, về sự ly biệt, về khổ đau và chết chóc. Và tôi nghĩ đến G. Từ đâu chẳng rõ, bỗng nhiên G. bay đến chốn này, hạ xuống, đứng giữa hiên nhà chúng tôi, đứng im lìm trong lúc chúng tôi nín thở nhìn ra qua cửa kính. Tôi có cảm tưởng rõ rệt là G. đã đến để cho chúng tôi biết rằng mọi sự đều an lành tự tại, mọi người, bất kể ở đâu, bất kể trong hoàn cảnh nào, đều được "như thường". G. đâu có phải là Thiên Thần

chật chội quá !

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm. Với vài mảnh gỗ, dăm thước giây thép và lưỡi kẻm, tôi đóng một cái bẫy. Tôi cố hết sức đóng làm sao mà nếu G. có bị sập vào thì đầu vùng vẫy mấy cũng không bị thương tích. Tôi hăm hở làm việc. Nhưng đôi lần, tôi bỗng dừng tay, sửng sờ, Tôi ngạc nhiên -- và hơi xấu hổ -- thấy tim đập mạnh. Thì ra tôi bắt chộp được mình đang chờ đợi, thấp thỏm hân hoan như một đứa trẻ chờ mẹ về. Một cảm xúc mà đã tự quá lâu, quá lâu, như bao người khác, tôi không còn được thấy trong lòng.

Ngày qua ngày lại, tuần này trôi đi tuần khác đến, mới đó đã giữa tháng một dương lịch. Cây cỏ đã trở trụi quá nhiều, thế mà G. vẫn chưa trở lại. Ngồi ở bàn làm việc, tôi có thể nhìn xuyên qua phần trên, vốn là kính trong, của cánh cửa sau. Chia cách mặt hậu của căn nhà với cánh rừng thưa là một bờ đất cao với những tảng đá lớn nằm ngổn ngang. Tôi phóng mắt từ những tảng đá ấy, vượt khoảng bờ đất, lên đồi, lên cao mãi, cho đến đỉnh núi san sát cây cối đã trụi lá trên nền trời đông màu thiếc lạnh. Tôi hay ngừng tay, nhìn lên, chờ đợi. Thật vô lý, nhưng tôi vẫn tin tưởng là một giây khắc nào đó, tôi sẽ ngẩng đầu lên đúng ngay vào lúc G. bay qua khoảng trời đất đóng gọn trong khung kính vuông đó: như một cái chớp lóe sáng, một hào quang bùng lên với hai màu ngọc thạch và hoàng kim...

Nhưng tôi đã hoài công chờ đợi. Hai đứa Yên và Ba, bận rộn bài vở cùng nhiều thứ lăng nhăng khác, xem như đã quên mất G. Và tôi nghĩ thầm, vợ tôi có vẻ như thở phào nhẹ nhõm, trút bỏ được một nỗi lo âu. Tôi biết nàng đã yên chí là con chim lạ sẽ không bao giờ quay lại nữa.

*
* *

Cuối tháng một dương lịch, đúng trước ngày sinh

nhật của tôi, trời trở lạnh da diết, một ngày thực lạnh đầu tiên của mùa đông năm ấy. Đứng ở gác thượng nhìn ra, tôi thấy được cái "chuồng chim" chúng tôi xây dưới cánh đồng cỏ. Đêm qua sương giá có rơi, bọc trắng màn lưới sắt, sáng ra nhìn tưởng những tấm lụa thêu ngân tuyến. Tôi thoáng nghĩ, điều này e G. không trở lại nữa, chỉ còn nước tháo gỡ tháo lưới, hạ cái "chuồng chim" đi cho xong chuyện. Trong thâm tâm, tôi chẳng biết làm gì hơn là chấp nhận một ý niệm hiển nhiên : một cái gì đó thật đẹp đẽ, thật hiếm có đã đến, rồi đã bỏ đi, chỉ có thế thôi.

Vợ con tôi thường mừng tuổi tôi một ngày sớm hơn để cho trùng với ngày cha mẹ sinh tôi ra bên kia trái đất. Tối đến, cả nhà vui vầy, ăn một bữa cơm thực đặc biệt, tặng quà, mở quà, v.v. Giờ đi ngủ rồi cũng đến, mọi người riu rít lên gác. Chỉ còn tôi ngồi lại xem chừng mấy khúc củi lớn để chúng cháy cho thực hết.

Và lần đầu tiên, cả ngày hôm đó, tôi nghĩ đến G. khi bất chợt thấy tuyết rơi lả tả bên ngoài. Tôi đứng dậy đẩy cửa kính lớn, nhìn ra hiên. Từ lúc nào không rõ, tuyết đã rơi có đến hai ba phân trên nền xi-măng. Bỗng nhiên tôi choáng váng, một nỗi xót xa tràn trụa trong lòng. G. đã bay về đâu ? Ôi, Kỳ Điểu, ôi Thiên Thần... G. đã bay về một khu rừng xa xôi hoang vắng nào ? Về một đỉnh núi trở trọi hẻo hon nào ? Trong đêm khuya tối tăm lạnh lẽo, tuyết rơi không một tiếng động, bộ lông vũ màu lục "tourmaline" và xà-cừ đó có giữ được khô, được ấm không ? Tôi nghĩ đến con mắt mù của G., con mắt giống hệt một hạt nút bạc. Tôi nghĩ đến con mắt lành của G., con mắt lành màu vàng cổ, ánh vàng nay chắc đã tắt rồi trong đêm đen mịt mùng... Hôm đó là ngày sinh nhật của tôi, thế mà tôi đóng cửa, tắt đèn, trong lòng buồn bã lẫn lộn một nỗi thấp thỏm, một cảm giác rờn rợn bất an.

Quá nửa đêm, nửa ngủ nửa thức, tôi tưởng tôi nghe tiếng kêu của G. Nhưng tôi nghĩ tuyết rơi mạnh như thế G. đâu có quanh quẩn ở đây, chắc thế nào

cũng đã trốn vào trong một hốc đá nào đó trên núi.

Nhưng tôi lại giật mình, thức giấc. Hoàn toàn tỉnh ngủ, tôi nghe rõ ràng, một lần nữa, tiếng kêu kỳ lạ, tiếng kêu như có chất đồng chất sắt. Không phải chỉ một lần thôi. Tiếng kêu vang vang tới tấp từ phía sau nhà. Phòng ngủ chúng tôi lại ở mặt hậu. Khi tuyết lạnh phất vào mặt tôi mới biết là tôi đã một bước phóng ra vườn, tay cầm cả cái đèn "pin" -- thường vẫn nằm trên bàn nhỏ cạnh đầu giường. Tôi nhớ đến cây đèn mà lại quên mặc thêm áo ngoài ! Tôi chạy vụt lên đồi, tai vang vang tiếng kêu kỳ dị.

Trong ánh sáng hình chổi của cây "pin", cách độ mười thước, G. đang vùng vẫy cố thoát khỏi cái bẫy. Trời ! Cái bẫy tôi đã đóng để bắt G. mà vì G. không trở lại, tôi đã lú lẩn quên mất ! G. đã mắc bẫy thực và đã cao chạy, xa bay rồi nếu một chiếc cánh không bị kẹt cứng dưới khung cửa làm bằng lưới sắt móc lò-xo. Tôi càng lại gần, con chim lớn càng vùng vẫy dữ dội. Tôi không thấy rõ G. nữa : chỉ còn có cánh, có lông, có tuyết tung lên và tuyết rơi xuống. Bỗng một vật lớn phóng về phía tôi, va mạnh vào vai tôi, làm tôi chúi cả sang một bên. Tôi lấy lại thăng bằng thì G. đã bay bổng lên không, và mang trên lưng cả bầu trời tuyết, là đà bay xuống đồi, rồi hạ xuống đậu ngay trên nóc nhà. Tôi vội vã chạy xuống, vừa chạy vừa dâng cao tay rọi đèn lên.

Nổi bật trên nền trời tuyết đêm, G. vĩ đại lạ thường. G. đứng im lìm một lúc lâu trong khi tôi ở dưới nhìn lên. Rồi con kỳ điểu từ từ quay đầu nhìn xuống tôi : một ngọn lửa loè cháy trong con mắt vàng ! Trong khoảnh khắc, tôi thấy ngàn vạn tia lửa sáng rực như một trận mưa pháo bông tử trên trời rơi xuống cùng với hằng hà sa số bông tuyết. Tôi sững sờ nhìn lên. Con chim lớn dang hai cánh mênh mông, vỗ một cái nhẹ như không, rồi nhún mình bay bổng lên, bay vút vào bầu trời đêm tuyết. Tôi đứng đó, trong bóng tối, không áo

choàng, không giày dép. Lúc đó tôi mới nhận ra là tôi run bắn cả người.

***

Sáng hôm sau, trời nắng sáng, trong và lạnh, vợ tôi và các con đã rời nhà trước khi tôi thức dậy; mọi người đã ngủ ngon lành suốt đêm, không hay biết gì.

Mặc áo quần ấm xong, công việc đầu tiên của tôi sáng đó là lên đồi sau, về phía chuồng gà, xem lại cái bẫy tôi đã dại dột quên bằng để cho G. phải sập vào. Nhìn quang cảnh bừa bãi trước mặt, tôi nghẹn ngào : lông chim rải rác bốn bề, mặt tuyết trầy trợt nát bấy, máu thấm vào tuyết loang ra nhiều vạt đỏ hồng. Tôi đủ hiểu là G. đã vùng vẫy mãnh liệt thục lâu để thoát thân trước khi tôi nghe được tiếng kêu mà cầm đèn chạy lên.

Tôi cúi xuống nhặt một cái lông dài, một cái lông màu lục, màu lục mà tôi vẫn thường ví với ngọc thạch "tourmaline". Tôi nhìn cái lông chim hồi lâu, rồi tôi dim mắt, chìa cái lông ra theo hướng ánh sáng mặt trời. Rồi tôi xoay nó lại qua chiều khác, để nó ngược lại hướng ánh sáng mặt trời. Nhưng cái lông chim tuyệt đẹp chỉ còn là một màu lục tầm thường, không phản ánh hỏa hoàng và huyết dụ nữa như tôi đã từng thấy khi nó dính liền nguyên vẹn với hình hài của G.

Sáng đó, tôi đã nói, là ngày sinh nhật của tôi, giờ Tây-Bán-Cầu, trời rất đẹp, tôi đứng đó, một con người đã trưởng thành, một gã đàn ông xưa nay vẫn kiêu căng về cái "gươm đàn nửa gánh" của hắn, một đấng tu mi. Thế mà tôi thấy rậm rực, run run trong lòng. Một tí ti nữa, chỉ một tí ti nữa thôi, thì tôi đã đưa tay lên ôm mặt khóc, như một đứa trẻ con...

VÕ ĐÌNH

DẤU CHÂN

CÁT BỤI

Dâu xanh lá trải về nguồn
Ta non cao với nỗi buồn thiên thu...
HUY LỰC

Gió đưa cát bụi về nguồn
Mang thân bụi cát ta buồn thiên thu
Dấu chân ngày tháng sương mù
Đỉnh hồn gió hú hoang vu trăng gầy
Em về trải tóc rừng mây
Cho ta hoang dại gót giày phù sinh
Đường khuya mờ nhạt bóng hình
Đèn chong phố vắng gọi tình trăm năm
Hương yêu vắng bóng trăng rằm
Hàng cây say ngủ lặng tăm nẻo về
Nửa vời sao lạc bến mê
Xuôi về nguồn cội lời thề cuốn theo...

Kìa em thu trở gió heo
Cây buồn trút lá bay vèo qua sân
Bụi trần cõi nhớ phù vân
Tìm hương tóc cũ mòn chân gió ngàn.

NGỌC ĐỨC

Xuân 1979

THƯ CẬY ĐĂNG

Asia Books
P.O. Box 873
Carbondale, Illinois 62901

Mồng 3 tháng 4 năm 1979

Kính thưa Quý vị,

Chúng tôi chủ trương phục vụ quý vị yêu văn hóa Việt nam ở hải ngoại bằng cách chuyên môn phát hành những sách (nguyên tác, hoặc in lại) viết về ngôn ngữ, văn chương lịch sử, văn hóa, nghệ thuật Việt nam.

Chúng tôi cũng xin làm trung gian mua, bán, đổi những sách hiếm và quý (nguyên bản, tức original edition) về Việt nam, bất luận bằng ngôn ngữ gì, Việt ngữ cũng như ngoại ngữ, cốt là để giúp cho mọi gia đình Việt nam ở rải rác khắp các phương trời có thể bảo tồn văn hóa dân tộc, ngõ hầu nhắc nhở con cháu đừng quên gốc gác cội nguồn văn hiến nghìn năm.

Quý vị nào có sách quý muốn bán, muốn đổi, xin cho chúng tôi được biết. Quý vị nào muốn mua sách (về tiếng Anh, tiếng Việt, tự điển Việt Anh thứ tốt, v.v..., xin liên lạc ngay để chúng tôi gửi thư mục.

Chúng tôi hi vọng được dịp phục vụ quý vị đồng-hương trong một công tác văn hóa đứng đắn. Đa tạ, và kính chào Quý vị.

Kính thư,
G.s. Nguyễn Đình Hòa

****

GIÁ BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÀI HẠN

Mỗi số báo giá 2 Mỹ kim.
4 số giá 8 Mỹ kim – 8 số giá 16 Mỹ kim – 12 số giá 24 M.k.

cái chết của CON MỰC

L.T.S. Mở đầu mục VĂN XƯA QUÊ CŨ theo ý của quý bạn đọc, lần này chúng tôi xin trình bày một tác phẩm của một nhà văn tiền chiến, và một tác phẩm nữa của một thi sĩ đời Trần.

CÁI CHẾT CỦA CON MỰC là thiên truyện ngắn của NAM CAO đã đăng trên *Hà nội tân văn* số ra ngày 14–5–1940 dưới bút hiệu Xuân Du.

Người ta định giết Mực đã lâu rồi. Mực là con già hơn trong hai con chó của nhà. Nhưng cũng là con nhiều nết xấu. Nó tục ăn : đó là thường. Nó nhiều vắt: cái ấy đủ khổ cho nó. Nó cắn càn,ấy là cái khổ của bọn ăn mày. Nhưng nó lại sủa như một con gà gáy: cái này thì không thể nào tha thứ được. Thoạt tiên người ta định ngày chết cho nó vào dịp thanh minh. May cho nó hôm ấy bà chủ nhà bị ốm. Rồi thì là tết tháng năm. Bỗng nhiên đứa con út của bà ốm mình: bà phải kiêng để lấy sữa lành cho con bú. Sau cùng người ta nhất định thịt nó vào rằm tháng bảy, ai ốm mặc. Nhưng lần này Mực vẫn còn thoát nạn là vì nhờ có Du. Người con cả xa xôi ấy vừa viết thư bảo chẳng bao lâu sẽ về. Bà mẹ mừng như tìm được một vật quý bị rơi và bà nhất định lui ngày xử con Mực lại.

Bây giờ thì Du đã về rồi. Chiều hôm qua con người phóng đãng ấy đã khệ nệ xách cái va li rất nặng bước vào sân, miệng mỉm cười và mặt đỏ. Cái nhà tranh, mấy cây cau hình như vừa đứng thẳng hơn lên để chào chăng.

Rồi đến lũ em ầm ỹ đẩy mành chạy ùa ra, và bà mẹ mừng quá cười và khóc. Nhưng kẻ lên tiếng trước nhất là con Mực. Con chó già nua ấy rít lên cái thứ tiếng gà gáy của nó và chạy lại Du. Bà mẹ thét lên và lũ em chửi những câu thô tục. Du bỡ ngỡ nhìn mọi người.

-- Hình như Mẹ không được khỏe. Ở các em đã lớn cả rồi: Thanh, Tú đứa nào đây ?... à, Thảo con chuột nhắt, trông Thảo xinh quá nhỉ ! à ! con Mực, vẫn con chó ngày ấy đấy à ? trông nó già đi tệ !...

Con chó đã nhận ra người chủ cũ. Nó đứng lặng vẫy đuôi, đầu cúi xuống, hai mắt nhèm ướt ướt nhìn nhìn đất như tủi phận. Du thương hại: đó là người bạn lặng lẽ thui thủi bên chàng những năm xưa khi đêm vắng, chàng ngồi nhìn trăng mà mơ mộng. Chàng muốn cúi xuống vuốt ve. Nhưng nó bẩn ghê gớm quá, lông rụng từng mảng, thịt trắng lộ ra có nơi sần mụn nữa. Dáng điệu thì già nua, có vẻ buồn và len lén như phòng bị một cách yếu ớt. Không còn những cái vẫy đuôi mạnh dạn, những cái nhìn rất bạn bè và những cái lít chân vồ vập như khi một con chó đã vui và không ngờ vực. Du thấy lòng nặng nặng. Chàng đưa chân chạm khẽ vào con chó để tỏ tình thương. Con chó vẫy đuôi mạnh hơn nhưng len lén lánh ra: dáng điệu một kẻ sợ hãi cố cười với người nó sợ. Và tức khắc nó vặn vẹo mình và rít lên một tiếng ngắn và to; đứa em tưởng anh đã hạ trả thù cho anh bằng một cái đá mạnh vào sườn con vật. Nó lấm lét lảng dần cũng không dám chạy một cách thẳng thắn để đi trốn nữa. Du trách em:

-- Sao Tú ác thế ?

-- Cần gì ! Đến mai giết thịt cho anh ăn đấy.

Du thấy cái vui đoàn tụ giảm hẳn đi một nửa.

Hình ảnh con chó ghẻ với cái buồn rất mơ hồ cứ lảng vảng trong óc chàng mãi mãi. Sáng hôm sau lúc ăn

cơm chàng thoáng thấy nó đi qua, đầu cúi mắt nhìn nghiêng như những người giả trá. Chàng muốn gọi nó vào kẹp nó giữa hai chân và vừa ăn vừa vẫy cho nó miếng cơm chung một bát. Nhưng mà không thể được: dịu dàng quá là yếu tâm hồn, và ai hiểu được rằng mình lại có thể yêu thương một con chó bẩn ghê gớm như thế được ?

Bữa ăn xong, con Hoa cầm bát cơm ra: một tay nó xách cái thúng như để rồi xếp bát. Thấy được ăn, tất cả thú tính của con Mực hoàn toàn nổi dậy. Nó nhảy tới vẫy đuôi hếch mõm nhìn và đợi. Cơm vừa đổ xuống nó vội vàng chúi mõm ăn ngay. Miếng chưa qua cổ thì cái thúng đã chụp quanh trên mình. Nó rít lên, vùng mạnh; nhưng Hoa đã tì cả người lên cái thúng rồi, và con Mực bị thu gọn ở trong vừa vặn, đến nỗi không còn giãy và kêu được. Lũ trẻ con reo ầm lên. Người ta lấy sẵn dao thớt và dây để trói. Phần mở thúng đã đành phải về Du: ông chủ đi vắng, cả nhà chỉ có chàng là đàn ông, mà không lẽ đi mượn hàng xóm trói giùm một con chó đã úp gọn gàng ở trong thúng. Người ta đã dạy cách cho chàng rồi, chàng chỉ việc hơi hé cạp thúng lên, hễ chó thò đầu ra thì một đứa em đặt gậy lên cổ nó để chân chàng dận xuống. Nhưng tay chàng thấy run run. Và khi chó vừa thò đầu ra thì nó quẫy luôn một cái mạnh, vùng ra được.

Con Hoa tủm tỉm cười. Lũ em ngơ ngác nhìn theo con chó vừa ăng ẳng vừa chạy ở ngoài vườn. Còn Du thì mặt đỏ như gấc chín. Chàng thấy mình yếu tay hơn cả con Hoa. Có lẽ nào chàng lại dịu lòng hơn cả một người con gái. Và tự nhiên chàng giận con Mực. Người ta còn lo con Mực sợ hãi mà đi mất. Quả nhiên suốt ngày hôm ấy nó không về. Nó vẫn vơ ở vườn hàng xóm, lẩn lút như một con chó trước khi hóa dại. Người ta đã tưởng mất toi. Nhưng tối hôm ấy nó lần vào gầm giường rồi Du lại

nghe thấy cái thứ tiếng gà gáy của nó rít lên ở phía ngõ.

Sáng hôm sau nó vẫn bỏ cơm. Trưa cũng thế. Và cứ thấy bóng người lại cúp đuôi chạy mất. Du thường hại sai người đem cơm đổ ra vườn. Một lúc sau Mực lại gần. Nó trông trước trông sau, đưa mõm [illegible] những hạt cơm rồi vô cớ giật mình chạy thẳng. Có lẽ cái kỷ niệm khủng khiếp vừa lóe ra và đập mạnh vào thần kinh nó như hồng điện. Du thấy bồn chồn và vẩn vơ: thương, hối hận hay là thẹn.

Sau cùng thì chàng bực mình: chàng nhận ra rằng một con chó đã làm mất sự bình tĩnh của tâm hồn chàng. Và đột nhiên chàng muốn giết con Mực lắm. Chàng muốn có đủ can đảm để giết người. Phải dám giết mà không run tay khi cần phải giết. Còn làm được trò gì nữa nếu chỉ giết một con chó mà tim cũng đập ?

Sự do dự đã hết rồi. Khi có một ý định thì ý định ấy chóng thành mạnh mẽ. Du thấy lòng cứng cỏi. Đã có lúc chàng tưởng đến cái thú đi con dao vào sức thịt giấy lên đành đạch để máu ấm phọt vào tay. Và chiều hôm ấy khi thấy con chó ở vườn thì chàng gần như mừng rỡ. Con vật khốn nạn đói và sợ đã mệt lử đi rồi. Nó hiện ngủ bên bờ dậu. Du cầm cái gậy to rón rén lại gần. Nhưng giơ tay lên chàng bỗng thấy tim run một cái. Chàng tưởng như ngạt thở và ngừng lại một giây để nhìn con chó. Giấc ngủ của nó có lẽ đầy ác mộng [illegible] khắp mình nó lại giật lên. Du thấy lòng quả quyết tiêu tan hết. Nhưng con chó bỗng giật mình. Du hoảng hốt thẳng cánh vụt mạnh trên mình nó, bụng nó thót hẳn vào rồi lại phình ra như một khối cao-su. Nó rống lên gượng dậy loạng choạng mấy vòng rồi chui bừa qua dậu trong khi Du vụt cuống cuồng theo xuống đất...

Đêm đã khuya, Du lại nghe tiếng Mực rống lên. Chàng thấy toát bồ hôi và nhất định không giết con

chó nữa.

Nhưng gần sáng chàng còn đương mơ mộng, thì đã nghe tiếng Hoa gọi cuống cuồng lên. Con vật khốn nạn không biết mỏi mệt thế nào mà ngủ quên đi ngay ở giữa sân để đến nỗi bị Hoa úp được. Lần này thì người ta cẩn thận hơn. Hai ba người nắm vào hai đầu gậy tre ngáng sẵn bên cạnh thúng rồi Hoa mới hỏi hé miệng thúng lên. Thấy sáng con Mực nhô ra ngoài cái mõm ướt thở phì phì. Hoa nhích lên tí nữa nhưng một cái đầu gối đã tì sẵn trên thúng. Mực lách cả cái đầu ra. Cái gậy đè mạnh xuống. Con vật khốn nạn không còn kịp kêu -- Đè chặt, thật chặt, đừng buông nó ra nó cắn đấy ! Du kêu lên như thế nhưng tiếng chàng đã run run. Con chó phì ra một cái nữa: hơi thở mới thoát ra một nửa bị tắc. Cái gậy đè sát đất. Mắt nó trợn lên. Lòng đen ướn ướt cứ đờ dần rồi ngược lên lần một nửa vào mí trên. Lòng trắng đã hơi đục. Lúc Hoa trói xong cả chân trước, chân sau và buộc mõm rồi thì con chó đã mềm ra không còn cựa cậy nữa.

Du nghẹn ngào nén khóc...

nam cao

HÀ HUYỀN CHI TÊN NÔ LỆ MỚI

Một công trình ấn loát mỹ thuật vừa được hoàn thành.

Ba mươi bài thơ xót xa nhức nhối trong phận đời di tản.

Tám mươi hai trang sách chăm sóc chỉ tỉnh. Hà Huyền Chi chỉ in có 500 cuốn và chủ trương đánh lấy huề để có vốn in cuốn khác. Thư từ, ngân phiếu xin đề LÊ THỊ THANH 7613 SE LACEY, WA 98503. Giá BỐN MƯƠI ĐỒNG CHẴN.

XUÂN NHẬT

TỨC CẢNH

Bốn câu thơ sau đây cho ta thấy một khía cạnh lạ lùng, vô cùng độc đáo, có thể nói là bất ngờ, của nền văn học Việtnam thời trước.

Áng văn chương này xuất hiện rất sớm, gần như vào tận buổi đầu; ấy vậy mà từ thơ gần gũi chúng ta, tưởng chừng cùng một thời đại với chúng ta !

Trước hết xin các bạn hãy đọc qua bài *Xuân nhật tức cảnh* :

Nhị bát giai nhân thích tú trì
Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly
Khả liên vô hạn thương xuân ý
Tận tại đình châm bất ngữ thì.

Bỏ qua cái phần âm điệu, tiết tấu là phần rất quí giá trong thơ, chỉ xin lược thuật ý thơ như sau :

"Trong bụi tử kinh có tiếng con oanh vàng vừa cất tiếng hót dưới hoa. Người con gái tuổi vừa đôi tám đang thêu, tay kim bỗng ngập ngừng chậm lại. Nỗi xúc cảm vì cảnh xuân trông thật là đáng yêu biết chừng nào! nó như dồn cả vào giây phút ngừng kim im lặng không nói nên lời."

Và xin tạm dịch như sau:

Trong hoa chợt cất tiếng chim
Giai nhân đôi tám dừng kim thẫn thờ
Đáng yêu biết mấy cho vừa
Thương xuân giây phút lặng lờ dừng kim.

Tất cả cái rạo rực tưng bừng của một trời xuân chỉ cần một biểu xuất nhỏ : tiếng chim kêu. Tất cả cái cảm xúc rạo rực của con người trước trời xuân rực rỡ chỉ cần một hình thức biểu lộ kín đáo: tay kim của người đẹp đang thêu thơ ắt bỗng chậm lại.

Sau bảy thế kỷ trau dồi, liệu thế hệ ngày nay có cách nào diễn tả một cách tinh vi tế nhị hơn chăng ?

Tuy nhiên điều ấy chưa nói lên hết cái lạ lùng độc đáo của tác phẩm thi ca này.

Thật vậy, chỉ thoáng nghe tiếng chim mà đủ xúc cảm về xuân, người con gái phải nặng lòng về xuân lắm mới nhạy cảm đến thế. "Thưởng xuân" mà chậm mũi kim là một nét tâm lý rất tinh, rất kín đáo, rất đáng yêu (khả liên) ở một người con gái.

Nhưng mũi kim đã là cái nhỏ nhặt, mũi kim trên tay người khác đang thêu mà chậm lại là chuyện hết sức nhỏ nhặt. Cái hết sức nhỏ nhặt ấy vẫn không thoát khỏi mắt: thế mới biết cặp mắt theo dõi kia ý tứ chu đáo đến ngần nào.

Cái tình tứ tinh tế ấy tại sao không phải của một vương tôn công tử nào, một nghệ sĩ đa tình nào mà lại là của ... một nhà sư ? Vì quả thực bài thơ nọ là tác phẩm của Huyền Quang, vị tổ sư Trúc lâm thứ ba.

Ông tên là Lý Đạo Tái, sinh năm 1254 mất năm 1334, người huyện Gia lương (Hà bắc). Ông xuất gia tu hành năm 19 tuổi. Vậy trông thấy ..."giai nhân thích tú trì" vào năm nào ?!

LÂM CHI

TRIẾT HỌC và ĐỜI SỐNG Ở MỸ

Mỹ không xài triết ?

Gần đây một tạp chí Mỹ, nhân kiểm điểm tình hình dân tị nạn Đông dương, có nói đến một người Việt nam đang theo học triết lý, bảo rằng đó là người Việt đầu tiên học triết ở Hoa kỳ. Có lẽ thật thế chăng ?

Từ trước đến nay quả thực ở ta chẳng mấy khi nghe nói đến chuyện sang Mỹ học triết. Muốn thành triết gia, thường khi người Việt nam ta chỉ sang Âu châu, sang Pháp chẳng hạn. Ở đây địa vị của ngành triết có vẻ được xếp cao trong xã hội.

Thật vậy, bên Á đông nhà hiền triết được trọng vọng. Trọng vọng hơn chính khách, trọng vọng hơn thương gia, doanh nhân, hơn tướng lãnh, và trọng vọng hơn các ông triệu phú là cái chắc. Còn ở Pháp, cặp Sartre – De Beauvoir làm mưa làm gió hàng nửa thế kỷ, rồi những "triết gia mới" hiện thời cũng ảnh hưởng mạnh đến, chiều hướng dư luận xã hội. Mỗi khi có một biến cố trên thế giới, một vấn đề rắc rối trong xã hội, dân chúng chờ đợi thái độ phản ứng của các triết gia, dân chúng tin cậy ở họ, trông mong ở họ một sự hướng dẫn.

Còn như ở Mỹ? Trong thời kỳ chiến tranh Việt nam, triết gia Mỹ nào cất tiếng ? tiếng nói triết học nào được đón nghe hơn, ảnh hưởng mạnh hơn tiếng nói của một ả Ja-

ne Fon da ? của thợ đấm Ali ? Bây giờ, về chính sách võ trang nước Mỹ, về chủ trương tiếp nhận dân tị nạn v.v... tiếng nói triết học nào thắng nổi tiếng nói của lãnh tụ lao động G. Meany, của nghị sĩ Ted chẳng hạn ?

Triết gia còn không có ký-lô nào, triết sinh thì ra cái gì. Cho nên mấy ai đi Mỹ học triết làm chi ?

Đó là chuyện từ hồi nào tới giờ. Nhưng hiện thời thì lại khác. Bây giờ, nếu có ai hỏi: "Đi Mỹ học triết làm chi ?", sẽ có ngay câu trả lời: "Để kiếm giớp".

Triết học, xài kiểu Mỹ.

Vác mảnh bằng triết học đi "áp-la i" sở Mỹ là chuyện hài hước, trước đây. Bây giờ thì không. Bởi vì bây giờ đã có những thông cáo cần người đăng trên báo Mỹ, tìm ... thuê các ông bà tiến sĩ triết !

Người Mỹ ngày nay bắt đầu xài triết học. Xài theo kiểu Mỹ, dĩ nh iên. Nghĩa là không giống ai. Ít ra là không hề giống kiểu Tàu, kiểu Việt chút nào, và hình như cũng rất ít giống kiểu Tây (Âu châu) !

Thật vậy, vừa rồi trên một tờ báo của Hiệp hội Triết h oc Hoa kỳ (American Philosophica l As sn.) người ta đọc thấy mấy giòng, đại khái : "Cần người có cấp b ằng tiến-sĩ, chuyên về triết học cổ điển và hiện đại, am hiểu về lịch sử triết học." Lời rao ấy nhằm tuyển nhân viên cho một c ơ quan...cảnh sát quận Jefferson, thuộc tiểu bang Colorado.

Tiến sĩ triết làm gì trong ty Cảnh sát ? Bà con nào ở Colora do h ãy chịu khó tìm hiểu xem.

Chỉ biết rằng trong các bệnh viện, c ác trường y khoa, các trường lu ật, trường dạy kế toán, kỹ sư, d oanh nghiệp, hành chánh, báo chí v.v... bây giờ bắt đầu loáng thoáng có lắm bóng dáng triết gia.

Ở những nơi vừa nói, triết học suy tư về các thắc mắc: khía cạnh đ ạ o đức của việc gây thai trong ống nghiệm ? có nên nói sự thực cho con bệnh ung thư chăng ? có nên để mặc cho chết những con bệnh bất trị muốn thoát đau đớn

c hãng ? khía cạnh đạo lý của việc kinh doanh kiếm lời, của việc xâm phạm đời tư để săn tìm tin tức v.v... Trong nhà thương, người ta mời triết gia đến tiếp xúc với những con bệnh đang mấp mé ranh giới tử sinh, những kẻ sắp chịu giải phẫu nguy hiểm v.v...

Năm năm về trước, theo lời giáo sư Samuel Goravitz, ở Đại học Maryland, thì gần như không có trường Y khoa nào dạy đạo đức học. Bây giờ thì hầu hết các trường Y-khoa đều có giảng môn này.

Hiện nay có những trung tâm do các nhà triết học lập ra để nghiên cứu, tổ chức các cuộc hội thảo tìm hiểu về khía cạnh đạo lý của những vấn đề thuộc nhiều lãnh vực chuyên môn của các cơ quan hoặc công hoặc tư. Chẳng hạn ở Nữu-ước có Viện Hastings của tiến sĩ Daniel Callaghan, ở Đại học Maryland có Trung tâm Nghiên cứu về Triết lý, ở Đại học Delaware có Trung tâm Nghiên cứu về đạo lý kinh doanh v.v...

Những tổ chức này có thể tổ chức những khóa nghiên cứu về các chính sách quân dịch, di trú, phụ cấp an sinh v.v... chẳng hạn. Không chắc triết học đem đến những câu giải đáp thỏa đáng, nhưng ít ra nó nêu ra cho người trong cuộc những thắc mắc mới, nó rọi thêm ánh sáng, nó góp thêm một cái nhìn mới v.v...

Như thế, rõ ràng ngày nay người Mỹ đang xài triết học, xài kỹ hơn ở nhiều xã hội khác. Nhưng ở Mỹ, triết-gia không phải chỉ ngồi riêng làm một đỉnh cao trí tuệ, thỉnh thoảng cất tiếng nói tuyên bố nọ kia. Người Mỹ tuyển các triết gia, thuê họ làm việc, nghiên cứu những vấn đề rõ rệt, nhất định, liên quan thiết thực đến đời sống xã hội.

Tiến sĩ Joseph D. Duffey công nhận rằng đó là một hiện tượng hoàn toàn mới mẻ, khiến cho triết học trở thành một ngành đầy kích thích và sinh khí.

Ấy thế mà mới trước đây mười hai năm, Herbert Marcuse tuyên bố triết học không còn thích hợp với thế giới hiện đại nữa.

Triết học trong tháp ngà.

Quả có vậy, lối 1967 triết học Mỹ khác hẳn: nó rời tách xa cách hẳn cuộc sống xã hội.

Chúng ta vừa nói không có mấy người đi Mỹ học triết, như vậy không có nghĩa là bảo triết học Mỹ xoàng quá, 'thấp' quá. Không, triết học Mỹ 'cao' lắm, nếu hiểu 'cao' theo cái nghĩa: rắc rối, bí hiểm, hóc búa.

Người Mỹ vốn chuộng kỹ thuật, vốn ưa sự chính xác, cho nên triết học của họ trong thập niên kỷ 60 cũng xài cái ngôn ngữ toán học, đưa ra những phương trình toán học, những lối lập luận quá rắc rối đối với người 'phàm tục'. Do đó đối với những vấn đề không thể có sự tính toán chính xác như chính trị, đạo đức, thì triết học trước đây làm ngơ, ít chú trọng.

Đó là thời kỳ của các triết gia phân tích Mỹ. Họ khác biệt trường phái triết hiện sinh và hiện tượng luận Âu châu sau Thế chiến thứ II.

Thế rồi bước sang thập niên kỷ 70, bỗng dưng triết học Mỹ quay đầu phi nước đại về đời sống thực tế.

Lý do.

Tại sao có hiện tượng ấy? Có nhiều lý do:

– Có thể vì thời thế biến chuyển. Do kỹ thuật tiến-bộ, cách sống thay đổi, rồi đặt ra cho người Mỹ những vấn đề mới mà họ phải suy nghĩ, phải giải quyết. Chẳng hạn vấn đề tôn giáo, vấn đề luyến ái kiểu mới, vấn đề sinh-lý, vấn đề thể thao, tình trạng ô nhiễm, chuyện làm ăn, giá trị đồng tiền trong thời buổi này v.v... Toán học, khoa điện tử không cung cấp cho người Mỹ câu giải đáp về những câu hỏi ấy. Họ tìm về triết học.

Và người ta nhận thấy gần đây ở các đại học Mỹ, số thanh niên ghi danh học triết có phần gia tăng.

– Cũng có thể vì lý do...lý tài. Triết gia phân tích không có giớp, không có đô, đành hồ hởi hưởng về những nhu cầu của xã hội!

– Lại cũng có thể vì người Mỹ ngày nay mất dần tín-ngưỡng nên quay về triết lý tìm hỏi những giá trị tin tưởng.

Triết Mỹ đang xuống đường. Và người Mỹ đang thực hiện một đường lối ứng dụng triết lý vào đời sống cách mới lạ, độc đáo.

NGÔ TRUNG

SÁCH BÁO MỚI

Chúng tôi vừa nhận được các tác phẩm sau đây :

TÊN NÔ LỆ MỚI, thơ của Hà Huyền Chi, do Kim bối xuất bản. Sách dày 82 trang, giá bán 4$.

NỖI ĐAU LÀM NGƯỜI, thơ của Độc Hành, do Văn nghệ xuất bản. Sách dày 68 trang, giá bán 3$.

THE VIETNAMESE HOLOCAUST AND THE CONSCIENCE OF CIVILIZED NATIONS, khảo luận bằng Anh ngữ của Phạm kim Vinh, do The PKV Publications xuất bản. Sách dày 154 trang, không đề giá bán.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ các tác giả và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

V.H.N.T.

nguyên vẹn

□ truyện dài của VÕ PHIẾN

Sách Việt hải ngoại

Người đọc : HÀ XUÂN

TÊN NÔ LỆ MỚI ,thi phẩm của Hà Huyền Chi, do Kim Bôi xuất bản. Sách dày 82 trang , giá 4 đồng.

*

Hôm nay chỉ có mình anh khóc
Nước mắt rơi trên đất nước người
.....
Đứa con trai cả coi như bỏ
Gậy mũ năm trở nắp ván thiên
.....
Tường lai bỗng thăm như lòng huyệt
Muốn vỡ toang ra với tủi hờn.

Những câu thơ trên đây có hay, hay là không hay ? điêu luyện hay không điêu luyện ? Điều ấy ta không để

ý, ta thấy không cần để ý, không cần biết. Chỉ biết rằng đọc qua, rồi đọc nhẩm lại, nó thấm từ từ vào ta một nỗi đau đớn không cùng.

Thơ Hà Huyền Chi trong tập *Tên nô lệ mới* có nhiều bài như thế.

Trường hợp ấy nhắc chúng ta nhớ đến trường hợp của thơ Huy Cận ngày xưa :

Ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung
Có ai đàn lẻ để tơ chùng
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Xui bước chân đây cũng ngại ngùng.

Huy Cận thường có những câu thơ thật trau chuốt để nói về cái buồn nhẹ nhàng, vu vơ, vô cớ : cái buồn của đèo cao quán chật, của một màu nắng vàng, cái buồn của người đang ở đây mà... cảm thấy có ai tiễn biệt nhau ở một phương xa nào ! Tóm lại, là cái buồn của con người ở một thời thanh bình, vô sự, cố tìm cho ra một cái cớ để mà buồn, mà làm thơ.

Buồn ấy với thơ ấy, quả là thuần túy... nghệ thuật !

Hà Huyền Chi không ở một thời như thế, một hoàn cảnh như thế. Hà Huyền Chi, ít ra là hiện nay, làm thơ mà có thể không màng đến thơ, đến nghệ thuật. Ông làm thơ để nói lên những điều như chúng ta vừa nghe : những điều thảm não, đau lòng.

Hoặc ông nói về một người con trường ở bên này quả đất được tin cha già vừa nằm xuống bên kia vòng địa cầu. Hoặc ông kể lể về những ngày đêm cô quạnh của một người trai cô đơn xa lạc tình yêu không hi vọng có ngày tái ngộ. Hoặc ông kể chuyện một thanh niên có cha già, hồi còn ở Việt nam vẫn ước chiếc xe đạp và cái đồng hồ, chàng trai mãi lăn lóc từ chiến trường nọ sang chiến khu kia không kịp thỏa mãn ý muốn của cha; bây giờ một mình lưu lạc sang xứ người, chàng hồi tưởng việc cũ, mua xe mua đồng hồ gửi về, và :

Tám tháng sau tôi nhận được hồi âm
Đứa em viết rằng, Thầy liệt cả tay chân
Bởi bệnh già suy nhược
Tiền anh gửi gia đình chưa nhận được
Có tin gì em sẽ báo anh ngay !

Hoặc kể chuyện một chiến sĩ bại trận sống đời lưu vong, một hôm có người bạn trao cho chiếc áo lính cũ :

Người bạn cho chiếc áo lính ngày xưa
Tôi mặc vào những hào hùng thuở trước
.....
Người bạn cho chiếc áo lính ngày nào
Tôi mặc vào nỗi xót đau rớm máu.

Đọc những bài thơ nói về những điều như thế, ai nỡ hỏi thơ kh éo hay vụng, hay hay dở? ai c ò n lòng dạ nào nghĩ đến 'nghệ thuật' ?

Tâm hồn một thi sĩ như Hà Huyền Chi lúc nầy chất ch ứ a những tình cảm ghê gớm. Ngh e ông có lúc phát khiếp :

Tôi đáng chết từ năm ngàn năm trước
Giọt sao buồn bay vào cõi thiên thu
Để khỏi nhục làm thằng dân mất nước
Đừng hôm nay ôm lấy gót kẻ thù

Hãy chặt tôi ra làm trăm ngàn mảnh
....
Hãy lụi cho tôi vài ba mũi mác .

Đối diện một cảnh ngộ như vậy c âu hỏi nghệ thuật h óa ra câu ngớ ngẩn, tàn nhẫn.

Nói như thế không có nghĩa là b ả o th ơ ông không hay. Người xưa nói về lý do trước tác :*Bất bình tắc minh*. Có điều uất phẫn bèn kêu lên, thế là văn chương rồi. Văn chương hay, xưa nay vẫn là những tiếng kêu chân thành như vậy, chứ không phải của những người hè hụi trau chuốt trong lúc vô công rồi nghề.

Lại h ỏ i Hà Huyền Chi tội nghiệp đến th ế sao ? lạc vợ mất cha sao ? – Điều ấy cũng không cần biết. Dù thi s ĩ có thế hay không thế, thơ ông vẫn thực, vì quanh ông đầy dẫ y n h ững chuyện ông nói; ông sống g iữa cộng đồng Việt di tản tức là sống ngay giữa cảnh lạc vợ mất c ha ấy. Cảnh chung, hã tất của riê ng ai.

Cảnh ấy không thể không nói ra cho hã. Bỗi thế mà cộng đồng người Việt di tản cần có sinh hoạt văn-chưởng.

NAM CHI

SÁCH DO "NGƯỜI VIỆT" XUẤT BẢN :

* TRUYỆN KIỀU của Nguyễn-Du	$ 3.70
* LY HƯƠNG của Võ-Phiến và Lê-tất-Điều	3.50
* THƯ GỬI BẠN của Võ-Phiến	(hết)
* NGƯNG BẮN NGÀY THỨ 492 của Lê-tất-Điều	3.70
* ĐẤT NƯỚC QUÊ HƯƠNG của Võ-Phiến	(hết)
* KISSINGER TRONG BẪY SẬP của Phạm-kim-Vinh	6.20
* NGUYÊN VẸN của Võ-Phiến	6.50
* THƠ CAO TẦN của Cao-Tần	2.50
* ĐÓNG CỬA TRẦN GIAN của Lê-tất-Điều	4.00
* LẠI THƯ GỬI BẠN của Võ-Phiến	4.00

Thư từ và chi phiếu xin đề : Mrs. NGO H. PHUC
P.O. Box 486
Westminster, Ca. 92683 Usa.

ĐỊNH CƯ TẠI HOUSTON ?

Quí vị muốn đến Houston định cư, quí vị muốn biết về việc theo học đại học, học nghề, tìm công việc làm : xin liên lạc với :

Ông Bùi Tiên Khôi
Counselor, Houston Community College
1500 Louisiana Houston Texas 77002
Điện thoại (713) 659–8686 Ext 7

Mọi dịch vụ đều miễn phí.

Văn nghệ khắp nơi

LỜI THỀ KHÔNG NGỦ

Trung tâm Định cư và Văn hóa Đông dương ở San Jose(California) đã có lần đăng thư ngỏ trên V.H.N.T. về sáng kiến giúp đỡ hoạt động văn hóa của Việt kiều bằng cách phát hành sách báo, tổ chức trình diễn ca nhạc v.v... cho các văn nghệ sĩ Việt nam mà không lấy hoa hồng.

Phát hành sách báo Việt ở xứ Mỹ không phải là chuyện dễ dàng và ít tốn kém. Tuy nhiên, Trung tâm đã cố gắng tiến hành tốt đẹp vì, như ban phát hành của Trung tâm đã nói trong lá thư gửi các đại lý : *' Chúng tôi hiểu rằng nghề làm sách báo bây giờ là một nghiệp dĩ đau thương cho các tác giả, do đó nên cố bỏ ngày giờ phương tiện xe cộ để phát hành không công và đóng vai trung gian bạc bẽo hầu đóng góp được một phần khiêm tốn vào công việc văn hóa.'*

Cuối thư ban Phát hành có lời long trọng :*'xin thề với quí vị đại lý và tác giả là tháng nào mà chúng tôi không bỏ tiền sách báo bị mất và tiền xăng ít hơn 20$ là chúng tôi ngủ không yên.'*

Giới văn nghệ di cư từng được Trung tâm giúp đỡ dĩ nhiên là rất xúc động, nhưng không biết cầu chúc quí vị trong ban Phát hành như thế nào đây ? Cầu được ngủ yên thì hao tài. Mà cầu cho bớt mất tiền xăng tiền sách báo thì lại e các vị hao tổn sức khỏe, vì mất ngủ.

Khổ chọn một con đường ... văn hóa thích nghi thật !

LỜI THỀ DI TẢN.

Cũng tại San Jose có một số sinh viên báo chí ở Santa Clara miền Cựu- kim-sơn thành lập nhóm Tin Biển, nhằm thực hiện đều đặn mỗi tháng những bản tin xác thực, đúng đắn và xây dựng, cung cấp miễn phí cho báo chí khắp nơi.

Nhóm Tin Biển đặt văn phòng tại Trung tâm Định cư và Văn hóa Đông dương nói trên, và cũng được Trung tâm nầy ủng hộ phương tiện. Nhưng nhóm nhất quyết bảo vệ tính cách độc lập, vô tư. Trong lá thư đề ngày 17–4–79 gửi đến các báo, nhóm Tin Biển thề rằng nếu có ai mưu tính ảnh hưởng đến nhóm thì nhóm *"dứt khoát dọn đi chỗ khác liền."*

Tất nhiên ai nấy tin ngay. Người Việt tị nạn của thế hệ 75 là những con người quí trọng tự do, chỉ vì cộng sản đến xâm phạm tự do, thế là chúng ta 'dứt khoát dọn đi chỗ khác liền' mặc dù chỗ khác ấy cách nước Việt nam một bể Thái bình dương

Ai còn dám động chạm đến quyền tự do độc lập của những con người như thế ?

CA DAO...CHỈ.

Theo bản tin số 2 của nhóm Tin Biển thì tại miền Santa Clara hiện thời có truyền tụng một câu ca dao bằng Việt ngữ :

Ở đây chồng tếch vợ lỳ
Cùng là m một sip còn gì sướng hơn.

Xin có lời chú thích về loại ca dao Việt ra đời tại đất Mỹ (tức là mang quốc tịch Mỹ ngay, thích nhá !): *Tech* là nghề technician; *Lỳ* là nghề assembly ; *sip* là phiên làm việc tại các sở (không phải là ván cờ người tại nhà đâu).

Tác giả câu ca dao nọ là nhà văn Giao Chỉ, tại Trung tâm Văn hóa Đông dương ở San Jose. Ôi, sang Mỹ, được ngồi vào Trung tâm văn hóa, làm ca dao tiếng Việt :'còn gì sướng hơn'

THÀNH ĐƯỢC VƯỢT BIỂN.

Theo tin của tạp chí Quê Mẹ (Phap) thì diễn viên cải lương Thành Được đã vượt biển tìm tự do và hiện đang tạm trú tại Mã lai.

Được biết sau 30-4-75 Thành Được được nhà cầm quyền mời cho tiếp tục hành nghề, nhưng dưới sự 'lãnh đạo' rất chặt chẽ, điều làm cho ông bực mình, quyết bỏ ra đi.

Cũng nguồn tin trên cho hay nữ diễn viên điện ảnh Như Loan cũng thoát khỏi chế độ mới ở Việt nam, hiện đã sang sống ở Anh.

Nhạc sĩ Ngô Thụy Miên nghe nói cũng vừa trốn được, tới Mã-lai.

BÁC HÒA HÀNG ... SÁCH.

Giáo sư Nguyễn Đình Hòa, nguyên khoa trưởng Đại học Văn khoa Sài gòn, giáo sư tại Đại học Carbondale (tiểu bang Illinois), giám đốc Trung tâm Việt học tại đây, vừa tự biến thành một ... chủ quán.

Trong một lá thư gửi đến chúng tôi, giáo sư cho biết 'sau một đêm thao thức', ông đã quyết định ra một cơ sở phát hành sách quí về Việt nam, nhằm mục đích giúp mọi gia đình Việt - kiều có thể bảo tồn văn hóa dân tộc.

Quán sách tên là ASIA BOOKS ,
liên lạc tại P.O. Box 373 Carbondale, IL 62901

Giáo sư Nguyễn Đình Hòa thường than thở : mình khôn không bằng Nguyễn văn Khôn linh lợi không bằng Nguyễn Ngọc Linh , thì lẽ nào dám làm chuyện kinh doanh ! Ấy thế mà ông lại cứ làm !

Ở đời, khôn ngoan và linh lợi đành rằng hay, nhưng không được thế thì hiền hòa cũng quí chứ sao.

Nghe chuyện quán sách lại nhớ đến sách :của Nhất Linh. Nhà văn này từng có truyện *Bác Hòa hàng cơm*, nay ở Hoa kỳ lại xảy ra cái chuyện Bác Hòa hàng... Sách !

TAM THIÊN TỰ TÂN THỜI.

Cùng trong mục đích bảo tồn văn hóa Việt trên đất Mỹ, giáo sư Nguyễn Đình Hòa cho biết nội trong năm 1979 này sẽ cho ra một cuốn *Tam Thiên Tự* có cả chữ Hán, chữ nôm và nghĩa Việt, tiếng Anh.

Cùng với cuốn *Tam Thiên Tự* này, ông cũng sẽ có mấy cuốn sách nhỏ bằng tiếng Anh giới thiệu văn hóa Việt cho người Mỹ, và một cuốn vài chục trang giới thiệu tiếng Việt cho người Việt!

TIẾNG VIỆT Ở NƯỚC NGƯỜI.

Trong niên khóa 1978–79 tại Đại học Carbondale (Illinois) có một sinh viên Nhật theo học tiếng Việt, tức ông Akira Ouchi sắp được bổ dụng vào tòa Đại sứ Nhật tại Hà nội vào năm tới.

Tại Hoa kỳ, ngoài Đại học Carbondale, còn có mấy nơi khác dạy Việt ngữ là Đại học Cornell và Đại học Hawaii (ở Manoa).

Trong năm 1978, tại viện Đại học Michigan, ông John Coyle trình luận án tiến sĩ với đề tài *:Text Building in English and Vietnamese : a comparative rhetorical analysis*. cuốn *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu được nghiên cứu trong luận án này.

Tại Úc, ông Trịnh Nhất có luận án Cao học ở Đại học Macquarie (North Ryde) với đề tài *Vietnamese Phonology, a quantitative study.*

TỰ DO BÁO CHÍ TẠI CUBA.

Năm nay Hiệp hội Inter-American Press cấp phát giải Bảo - vệ Tự do Báo chí cho một nhà báo Cuba lưu vong là ông Alfredo Izaguirre, nguyên chủ nhiệm tờ *El Cristol* ở Havana, từng bị tù 18 năm vì công kích chính quyền Fidel Castro.

ĐỘC GIẢ TÍ HON

Isaac B. Singer (giải Nobel văn chương 1978) là một nhà văn lớn thường viết sách cho trẻ con . Có lần ông tuyên bố 'Tôi có 5 0 0 lý do tại sao viết cho tuổi thơ . Để tiết kiệm thì giờ, chỉ xin kể một ít :

– Trẻ con đọc sách, không đọc "điểm sách". Chúng chẳng thèm chú ý đến sách phê bình văn chương.

– Chúng không cố hiểu truyện của Kafka, chúng không dùng đến tâm lý học và rất ghét xã hội học.

– Khi sách chán ngấy, trẻ con ngáp dài công khai, chẳng sợ các người có 'thẩm quyền', hay chẳng hề biết mắc cỡ.

– Trẻ con vẫn tin tưởng vào Thượng đế, gia đình, thiên thần, quỷ sứ, phù thủy, luân lý, vào bút pháp sáng sủa, phép chấm câu và những thứ đã bị phế thải khác.

CẢ TIẾNG LẪN DÀI HƠI

Hiện thời trên thị trường sách báo nước Mỹ ít thấy bày bán các tuyển tập truyện ngắn. Các tuyển tập hiện diện đa số đã ra đời cách đây vài chục năm và thường của một tác giả mà thôi. Các tạp chí phổ thông trong đại chúng Mỹ trước kia chuyên đăng truyện ngắn đã đóng cửa dẹp tiệm hết. Hiện nay chỉ còn *The New Yorker, THapper's. Atlantic* và vài tạp chí khác. Các tạp chí ít người biết tới, phẩm chất không xuất sắc. Tất cả các tờ trên đều chuyển hướng, ưa đăng các loại truyện dựa trên các dữ kiện có thực. Tạp chí phê bình văn chương *American review* trong khoảng 1967–1978 đã ấn định lại khuôn khổ và định - nghĩa các sáng tác phẩm trong vòng ảnh hưởng của mình. Ông chủ biên Ted Solotaroff không còn dùng danh từ *truyện ngắn* mà chỉ gọi *cái -trước-đây-là-truyện-ngắn* là 'bất cứ những gì không phải là văn xuôi có vần. Nhà phê bình R.Z.Sheppard thì trên tạp chí *Time* có nhận xét rằng truyện ngắn là 'một thất bại về tài chính' cho văn sĩ. Nói trắng ra thì hình như các văn

Tủ sách VĂN HÓA

đã phát hành MẬT LỆNH
Một trong vài cuốn tiểu thuyết đắc ý nhất của Nguyên Vũ. Truyện của những người lính, khi ngựa đã què, kiếm đã gãy, khi hào quang đã lạnh tắt, trở thành phế vật chiến tranh.

Giá $4.95 kể cả cước phí.

Sắp phát hành VÒNG TAY LỬA của Nguyên Vũ.
Trọn bộ 3 cuốn, có sửa chữa và thêm những chương bị kiểm duyệt.

Thư từ và bưu phiếu: PHẠM GIA KHÔI
1618 Missouri Place #A–4
Houston, TX 77006

sĩ nước Mỹ hiện không ham viết truyện ngắn vì khó kiếm được tiền, không có chỗ in và ít ai chịu đọc. Cũng có thể văn sĩ Mỹ càng ngày càng dài hơi và cả tiếng; truyện ngắn không còn đủ kích thước để họ chất vô đủ các điều muốn nói. Ngoài ra vì ảnh hưởng của đời sống mới, người Mỹ ngày nay đã ngả sang lối tiêu thụ văn chương hơn là nhấn nha với các truyện ngắn súc tích.

THẠCH TÂM và
TỔNG QUÂN

TIN TỨC ĐÓ ĐÂY

BÀI HỌC VỀ ĐÀM.

Hôm thứ tư 18–4–79, cộng sản Việt và Hoa đã họp phiên đầu tiên tại Hà nội.

Về phía Việt, thứ trưởng ngoại giao Phan Hiền đề nghị trao đổi tù binh, trở lại ranh giới ấn định do các hiệp ước Pháp - Hoa ký năm 1887 và năm 1895, hai bên cùng rút lui 5 cây số cách lằn ranh trước ngày 17–2–79 để lập một vùng phi quân sự. Phan Hiền nói :'Hiện thời quân đội Hoa còn đóng trên 10 cứ điểm trong lãnh thổ Việt nam.'

Thứ trưởng Ngoại giao Trung cong Hàn Nam Long thì tuyên bố là Hoa 'không hề có một cứ điểm quân sự, hay một binh sĩ nào đóng ở ngoại quốc.' Nghĩa là Hoa không có gì để rút lui cả.

Sau đó,phiên họp chấm dứt, và sẽ tiếp tục vào một ngày... sẽ thỏa thuận sau.

Quan hệ anh em xã nghĩa Hoa Việt lắm điều n gộ nghĩnh: Việt ký kết liên minh quân sự với Nga, nhưng Hoa vẫn cứ đánh nhào một trận. Đánh xong, Hoa cứ kỳ kèo đòi hòa đàm mãi, cho đến lúc hợp kỳ được mới chịu.

Rốt cuộc, kết quả đã hiển hiện : đánh để chiếm giữ một loạt trên 10 cứ điểm trên lãnh thổ Việt, và đàm để chính thức hóa việc chiếm giữ ấy, chứ không phải để giải quyết điều gì cả.

Việt cọng vẫn thạo nghề trảo trở tron g trò đánh và đàm. Đầu năm nay, Hoa đã dạy thêm một bài họ c về đánh, rồi lại vừa phụ thêm một bài học về đàm nữa. Tha hồ tiến bộ.

Chỉ xót xa :đất nước tổ tiên mấy nghìn năm không mất một tấc, nay bỗng dưng bị mất đi nhiều khoảnh không biết tới bao giờ mới thu hồi được.

BẠN RỒI LẠI BẠN.

Nhà nước xã nghĩa Viêt nam không phải chỉ có một xứ anh em quí hóa là Trung hoa đâu. Hãy còn một xứ nữa, quí hóa hơn, là Nga xô.

Đầu tháng này , người ta phát giác ra Nga xô đưa ba chiến hạm vào đậu tại v ịnh Cam ranh. Có thế chứ, lẽ nào Nga chịu kém, chịu thiệt thòi so với Hoa !

Vịnh Cam ranh, 74 năm xưa hạm đội Nga đã có lần ghé qua một lần trong dịp kéo qua Nhật (để bị tiêu diệt). Nga vẫn lấy làm vừa ý Cam ranh lắm. Ba phần tư thế kỷ sau, Nga mới có cơ hội sử dụng thực sự.

Vă n đại tướng mới đại thắng mùa xuâ n cách đây có bốn năm mà non sô ng đã bị mất chủ quyền chừng ấy , cả trên bộ lẫn dưới nước. Liệu rồi đến đâu.

TIN VUI TỊ NẠN.

Hôm thứ sau trung tuần tháng 4–79 vừa qua, ông chưởng lý Griffin B. Bell tuyên bố cho phép nhập cảnh thêm vào Hoa kỳ 65.000 dân tị nạn nữa trong năm nay : 40 .000 từ Đông nam Á và 25.000 từ Nga và Đông Âu.

(Được biết luật lệ Hoa kỳ ấn định mỗi năm được nhận thêm 17.499 tị dân, nhưng ông chưởng lý được phép nâng cao số ấy khi cần thiết.)

HỒ BẠCH VÂN

ĐỊA CHỈ MỚI của

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Tòa báo đã đổi đến địa chỉ mới. Vậy kể từ nay, xin quí văn hữu và độc giả chú ý :

- **Bài vở xin gửi đến bản báo Chủ bút :**
  Mr. LÊ TẤT ĐIỀU
- **Thư từ mua báo và chi phiếu xin đề :**
  Mrs. NGÔ H. PHÚC

Cùng một địa chỉ :

P.O. Box 486
Westminster, Ca. 92683 Usa.
Điện thoại : (714) 897-2476

THÔNG BÁO

Chúng tôi trân trọng báo tin : Hạn mua báo của quí vị chấm dứt sau số .....

Chúng tôi mong sớm nhận được phiếu mua để tiếp tục gửi báo đến quí vị, hầu khỏi có sự gián đoạn đáng tiếc.

(Nếu không thấy ghi số hết hạn tại mục này trong tờ báo của quí vị, tức là hạn mua báo của quí vị vẫn còn).

ĐÂY LÀ MỘT BĂNG NHẠC LỊCH SỬ LÀM SỐNG LẠI
CẢ MỘT THUỞ HUY HOÀNG CỦA NƯỚC VIỆT
CHỈ CẦN MỘT BĂNG NHẠC

Những bài hát đi vào lịch sử

LÀ ĐỦ LÀM NỔI ĐÌNH ĐÁM CƯỚI MỘT BUỔI MEETING

MẶT A.

1. Quốc ca VIỆT NAM CỘNG HÒA (Hợp ca)
2. Chung khúc Việt Nam (Hợp ca)
3. Bình Long anh dũng (Hợp ca)
4. Kontum kiêu hùng (hợp ca)
5. Quảng trị vùng dậy (hợp ca)
6. Đoàn quân chiến thắng (hợp ca)
7. Người ở lại Charlie (Nhật Trưởng, Thanh Lan)
8. Không, anh không chết đâu em (NT, Th-Lan)
9. Kỷ vật cho em (Lệ Thu)
10. Tấm thẻ bài (Thanh Thúy)
11. Người tình không chân dung (Thanh Lan)

MẶT B.

12. Chuyện một đêm (Trang Mỹ Dung)
13. Bà mẹ Gio Linh (Thái Thanh)
14. Bà mẹ Trị Thiên (Nhật Trưởng)
15. Xin chia buồn (Elvis Phương)
16. Đó quê hương tôi (Elvis Phương)
17. Đêm nguyện cầu (Thanh Vũ)
18. Nối lại quê hương (Diễm Phúc)
19. Hờn sông Gianh (Anh Khoa)
20. Chiêu hồn tử sĩ (Thái Thanh)
21. Quốc ca Việt Nam Cộng Hòa (Hợp ca)

SCOTCH MASTERING TAPE C-94 TRUNG THỰC, BỀN BỈ
GIÁ : 8 MỸ KIM MỘT CUỐN KỂ CẢ CƯỚC PHÍ HẠNG I

LOVINA CÔNG TY xin kính biếu mỗi hội đoàn Việt nam một băng nhạc "Những bài hát đi vào lịch sử" để dùng trong các buổi lễ. Xin quí vị chủ tịch vui lòng liên lạc với LOVINA bằng văn thư chính thức.

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
P.O. BOX 386
WESTMINSTER, CA. 92683 USA.

Mr. TON THAT KY
224 S. JACKSON St
Glendale, CA 91205

TRONG SỐ TỚI :

TRANG SỬ MỚI NHẤT CỦA GIÁO SƯ SỬ HỌC NGUYỄN PHƯƠNG VIẾT TẠI HOA KỲ.

TRƯỜNG HỢP KUNIYOSHI : THÀNH CÔNG LẪY LỪNG CỦA MỘT HỌA SĨ GỐC NHẬT TẠI HOA KỲ - BIÊN KHẢO CỦA HỌA - S Ĩ VÕ ĐÌNH.

VÀ SỰ XUẤT HIỆN CỦA MỘT CÂY BÚT PHỤ NỮ MỚI : LÊ THỊ HUỆ, VỚI THIÊN TRUYỆN ĐẦU TAY LÀM NGẠC NHIÊN VĂN GIỚI.

GIÁ : 2.00